

NGHIÊN CỨU CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI VIỆN CƠ KHÍ

Mở đầu.....	2
Chương 1: Đánh giá thực trạng công tác đào tạo tại Viện Cơ khí.....	4
1.1. Đặc điểm tình hình đơn vị.....	4
1.2. Đánh giá thực trạng công tác đào tạo tại Viện Cơ khí.....	6
1.3. Kết luận Chương 1	10
Chương 2: Phân tích kết quả đánh giá học phần.....	12
2.1. Tổng hợp kết quả đánh giá học phần cả Viện	12
2.2. Phân tích kết quả đánh giá học phần các bộ môn.....	13
Kết luận Chương 2	40
Chương 3. Phân tích kết quả khảo sát sinh viên.....	42
3.1. Thông tin chung	42
3.2. Tổng hợp kết quả khảo sát Bộ môn MXD	44
3.3. Tổng hợp kết quả khảo sát Bộ môn CNVL.....	47
3.4. Tổng hợp kết quả khảo sát Bộ môn KTCK.....	50
Kết luận Chương 3	53
Chương 4: Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại Viện Cơ khí	55
4.1. Những nhiệm vụ cơ bản	55
4.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo	55
KẾT LUẬN	57
Tài liệu tham khảo.....	58

Mở đầu

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nâng cao chất lượng đào tạo nói chung là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của tất cả các cơ sở đào tạo. Chất lượng đào tạo đại học ở nước ta nói chung, ở Trường Đại học Hàng hải nói riêng còn thấp so với khu vực và quốc tế. Đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề này. Tuy nhiên, các nghiên cứu đều mang tính đặc thù của đơn vị hoặc đối tượng áp dụng. Hiệu quả áp dụng cũng còn nhiều hạn chế do rào cản về cơ chế, tính bao cấp còn nặng nề trong hệ thống đào tạo công lập.

Nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn hội nhập mạnh mẽ, nền giáo dục đại học nói chung đang đứng trước nhiều thách thức hội nhập, cũng như chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ của việc xuất khẩu giáo dục từ các nước phát triển.

Viện Cơ khí là đơn vị mới được thành lập, các chuyên ngành đào tạo còn non trẻ, đội ngũ cán bộ giảng viên còn thiếu kinh nghiệm. Việc xây dựng hệ thống đào tạo năng động, cập nhật với nền tri thức thế giới, khắc phục nhược điểm của hệ thống cũ nhiều trì trệ, mang nặng tính bao cấp sẽ là chìa khóa để tạo nên thành công đối với các chuyên ngành đào tạo của Viện Cơ khí. Đặc biệt khi yếu tố tự chủ đang trở nên cấp thiết đối với các cơ sở đào tạo công lập hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm đạt được một số mục tiêu sau:

- Đánh giá tổng quát về thực trạng đào tạo đại học tại Viện Cơ khí, phân tích các yếu tố thuận lợi, khó khăn, điểm mạnh, điểm yếu;
- Đưa ra thống kê về một số chỉ tiêu, tiêu chí nhằm đánh giá chất lượng đào tạo;
- Rút ra bài học kinh nghiệm và một số biện pháp quản lý nhằm cải thiện chất lượng đào tạo các chuyên ngành tại Viện Cơ khí;
- Đưa ra các đề xuất, kiến nghị về chủ trương, chính sách, các yêu cầu hỗ trợ từ Nhà trường nếu có.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là quy trình đào tạo đại học tại Viện Cơ khí nói riêng và Trường Đại học Hàng hải Việt Nam nói chung.

Phạm vi nghiên cứu bao gồm quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo các chuyên ngành của Viện Cơ khí trong học kỳ IB và các quy trình liên quan như công tác thực hành, thực tập, tổ chức học phần tốt nghiệp.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu kết hợp phân tích định tính các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và phân tích định lượng kết quả học tập của sinh viên và ý kiến khảo sát sinh viên nhằm rút ra bài học kinh nghiệm. Cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích định tính: Đánh giá tổng quan quy trình đào tạo đang áp dụng trong thời gian qua, phân tích ưu nhược điểm, thuận lợi, khó khăn, các yếu tố khách quan, chủ quan dẫn đến sự yếu kém của chất lượng đào tạo;

- Phương pháp thống kê: Tổng hợp kết quả học tập của sinh viên, phân tích dữ liệu, rút ra bài học kinh nghiệm;

- Phương pháp khảo sát: Khảo sát ý kiến sinh viên, phân tích và xử lý số liệu thống kê bằng các công cụ chuyên dụng.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Về ý nghĩa khoa học, kết quả nghiên cứu dự kiến là tổng hợp các chỉ tiêu phản ánh chất lượng đào tạo và các biện pháp cải thiện, bộ quy trình quản lý chất lượng đào tạo tại đơn vị. Kết quả này có thể góp phần bổ sung lý luận cho khoa học quản lý đào tạo.

Về ý nghĩa thực tiễn, những nội dung và kết quả nghiên cứu được áp dụng trực tiếp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo đại học tại Viện Cơ khí.

Chương 1: Đánh giá thực trạng công tác đào tạo tại Viện Cơ khí

1.1. Đặc điểm tình hình đơn vị

Viện Cơ khí là đơn vị mới thành lập sau khi cơ cấu lại một số đơn vị. Khi được thành lập, Viện Cơ khí bao gồm 53 cán bộ giảng viên, sinh hoạt ở 07 bộ môn, phụ trách 05 chuyên ngành đào tạo là Máy nâng chuyên, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật nhiệt lạnh, Kỹ thuật cơ khí và Cơ điện tử.

1.1.1. Phân tích thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức

Với mục tiêu phát triển thành trường đại học trọng điểm quốc gia, đào tạo đa ngành, phục vụ cho nền kinh tế đất nước, Viện Cơ khí được giao phụ trách 05 chuyên ngành cơ khí trên bờ, trong đó 04 chuyên ngành mới. Việc mở cùng lúc nhiều chuyên ngành không phải là sở trường là khó khăn thách thức lớn đối với Viện Cơ khí. Bên cạnh những khó khăn thách thức, Viện Cơ khí cũng nhận thấy những cơ hội. Phân tích SWOT trong Bảng 1 dưới đây chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với Viện Cơ khí.

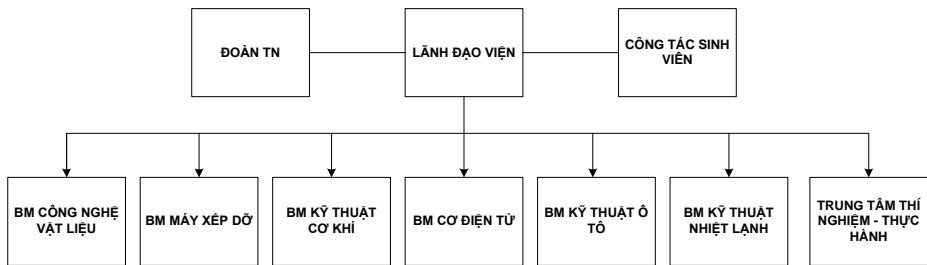
Bảng 1: Phân tích SWOT

Strengths	Weaknesses
Diversified portfolio of academic programs (5) to large customer demand in mechanical engineering	Young staff, lack of experience
Young staff with high potential and ambition	New academic programs with no feedback from employers
Awareness of staff about education and training reform	Poor facilities, equipments for education and training
Opportunities	Threats
Rising demand for manpower in mechanical engineering, especially with economic booming in VN	Accept of employers about quality of undergraduates for new programs
Academic programs almost new in North costal region	Slack attitude to work of staff as habit in almost all education institutions

Investment support for VIMARU as 1 of 20-key universities	Competition of other institutions, especially those with foreign investment
---	---

1.1.2. Mô hình tổ chức

Sau khi ổn định tổ chức, Viện Cơ khí đã đề xuất thay đổi một số bộ phận, với điểm nhấn là việc thành lập Trung tâm Thực hành-Thí nghiệm cơ khí. Hiện tại, mô hình tổ chức Viện Cơ khí bao gồm 06 bộ môn và Trung tâm TH-TN (Hình 1).



Hình 1: Mô hình tổ chức Viện Cơ khí từ 12/2015

Với mô hình tổ chức hiện tại, công tác thực hành, thực tập được chú trọng nhằm tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

1.1.3. Đội ngũ

Hiện tại, đội ngũ cán bộ giảng viên Viện Cơ khí bao gồm 52 người (48 giảng viên, 02 chuyên viên, 02 KTV), biên chế ở 07 đơn vị (xem Bảng 2). Nhìn chung, lực lượng ở hầu hết các bộ môn đều yếu, cả về số lượng và chất lượng. Nhiều chuyên ngành mới mở, không có giảng viên được đào tạo đúng chuyên ngành. Ngoài ra, số giảng viên trẻ trong độ tuổi đi học ThS, NCS nhiều, dẫn đến số lượng giảng viên thực sự làm việc chỉ khoảng 30 người.

Bảng 2: Phân bố cán bộ giảng viên Viện Cơ khí ở thời điểm hiện tại

TT	Bộ môn/TT	Số lượng GV		Ghi chú
		Tổng	Có mặt	
1	MXD	9	8	01 GV xin nghỉ 01 năm

2	KTNL	5	4	01 NCS Hàn Quốc, 02 chuẩn bị NCS, ThS
3	KTO	7	5	02 đang đi học, 02 chuẩn bị đi học NCS, ThS
4	CDT	5	4	01 đi học Nhật, 02 chuẩn bị đi học
5	KTCK	14	10	03 NCS nước ngoài, 01 sắp đi học ThS
6	CNVL	7	6	01 NCS Nga, 01 KTV
7	TT TH-TN	3	3	01 giảng viên, 02 KTV
Cộng		50	40	02 chuyên viên CTSV

1.1.4. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên

Hiện nay, tổng số lượng sinh viên các khóa đang học tập tại Viện Cơ khí vào khoảng gần 700SV. Dự kiến sau mùa tuyển sinh 2016 (khóa 57), số lượng sinh viên sẽ đạt 1000. Với số lượng giảng viên thực làm việc như vậy, tỷ lệ giảng viên/sinh viên sẽ đạt trên 30SV/1GV và duy trì trong khoảng 3-4 năm tới.

Tỷ lệ như vậy sẽ là thách thức lớn trong những năm tới đối với Viện Cơ khí trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Đặc biệt là đối với các chuyên ngành mới.

1.2. Đánh giá thực trạng công tác đào tạo tại Viện Cơ khí

1.2.1. Công tác giảng dạy lý thuyết

Giống như các đơn vị khác, công tác giảng dạy lý thuyết ở Viện Cơ khí được thực hiện theo kế hoạch và các quy định chung của Nhà trường. Qua theo dõi, Viện Cơ khí nhận định công tác giảng dạy lý thuyết có một số điểm mạnh như sau:

- Nhìn chung các giảng viên đều nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ, có tinh thần, thái độ, tác phong chuẩn mực.

- Các giảng viên về cơ bản nhận thức được mục tiêu đổi mới giáo dục đào tạo trong giai đoạn hiện nay, cũng như tinh thần trách nhiệm trước xu thế tự chủ. Các bài giảng nhìn chung đạt yêu cầu chất lượng.

- Các giảng viên đều nhiệt tình, quan hệ thân thiện, đúng mực với sinh viên và không có hiện tượng tiêu cực.

Bên cạnh các ưu điểm trên, Viện Cơ khí cũng tự nhận thấy còn một số điểm yếu sau:

- Thói quen giảng dạy, học tập bị động, một chiều còn nặng nề. Điều này dẫn đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy còn hạn chế. Một số học phần khi thực hiện còn tẻ nhạt, không tạo được hứng thú trong sinh viên.

- Một số bài giảng, giáo trình còn lạc hậu, không cập nhật kịp thời. Giảng viên ít cập nhật thông tin, không áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như dùng máy chiếu, sử dụng công cụ máy tính, internet.

- Việc phân công giảng dạy còn chưa phù hợp, chưa bố trí trợ giảng đối với các giảng viên trẻ, dẫn đến chất lượng chưa đồng đều ở các nhóm, các học phần khác nhau. Công tác dự giờ, thực hiện quy trình đào tạo giảng viên còn bị xem nhẹ.

- Viện Cơ khí chưa xây dựng được quy trình hoàn chỉnh nhằm tự giám sát chất lượng giảng dạy.

1.2.2. Công tác giảng dạy thực hành

Thí nghiệm-thực hành (TN-TH) là hoạt động thực tiễn của sinh viên khi học các học phần tại trường nhằm làm quen với các trang thiết bị và rèn một số kỹ năng nghề nghiệp. Ở trường ta nói chung, Viện Cơ khí nói riêng, thực hành thường được tổ chức thực hiện tại các phòng TN-TH tại trường. Trong những năm qua, Nhà trường đã quan tâm chỉ đạo nhằm tăng cường chất lượng thực hành cho sinh viên thể hiện thông qua: tăng số giờ thực hành ở các môn học, tăng cường cơ sở vật chất thực hành cho các đơn vị, tăng cường kiểm tra. Tuy nhiên, công tác TN-TH vẫn còn nhiều bất cập. Đối với Viện Cơ khí, những bất cập do một số nguyên nhân sau:

Về nhận thức chủ quan của giảng viên:

- Nhận thức của một bộ phận giảng viên về tầm quan trọng của công tác TN-TH còn chưa đúng mực, còn tình trạng làm qua loa cho xong. Các bài thực hành ở một số môn học chưa bám sát với trang thiết bị hiện có, dẫn đến tình trạng một số nội dung thực hành không thực hiện được, hoặc có thiết bị nhưng không được sử dụng hết;

- Bản thân các giảng viên/bộ môn chưa chủ động sáng tạo xây dựng nội dung thực hành, ỉ lại vào Nhà trường, đổ lỗi cho việc thiếu trang thiết bị, dẫn đến nội dung thực hành nghèo nàn, thiếu thực tiễn và không tận dụng hết cơ sở vật chất hiện có.

Về nguyên nhân khách quan:

- Cơ sở vật chất TN-TH còn thiếu và manh mún, thiếu đồng bộ;

- Việc sắp xếp lịch thực hành còn bất cập (nhiều khi chưa học lý thuyết đã có giờ thực hành), số lượng sinh viên theo các nhóm còn đông (thực hành là làm thật để rèn tay nghề, nếu bố trí nhóm 20 sinh viên trong 1 giờ thì sinh viên không có điều kiện để làm thật);

- Cơ sở vật chất TN-TH được phân riêng theo các BM là chưa hợp lí. Điều này dẫn đến mất liên kết ngang do tâm lí nhà anh-nhà tôi, bộ môn này ngại sử dụng thiết bị do bộ môn khác quản lí, không tận dụng được năng lực thiết bị;

- Thiếu kỹ thuật viên chuyên trách, dẫn đến quản lí/khai thác/bảo trì cơ sở vật chất TN-TH không tốt.

1.2.3. Công tác thực tập

Thực tập cơ khí

Thực tập cơ khí cho sinh viên các chuyên ngành cơ khí được thực hiện trong thời gian 04 tuần (2TC) tại Trung tâm cơ khí thực hành (Trường Cao đẳng nghề VMU) vào Học kỳ V.

Mục tiêu của đợt thực tập cơ khí bao gồm:

- Nắm được phương pháp gia công cắt gọt cơ khí, kỹ năng sử dụng thành thạo máy tiện.
- Hiểu được các khái niệm cơ bản của hàn hồ quang, nhận biết các vật liệu hàn, vận hành sử dụng thành thạo dụng cụ, thiết bị hàn, công tác an toàn và vệ sinh công nghiệp.
- Làm quen với nghề nguội, cách thao tác khi sử dụng một số dụng cụ của nghề nguội, nắm được các bước tiến hành khi gia công 1 sản phẩm: chọn phôi (vật liệu), chọn dầu chuẩn, gia công và kiểm tra sản phẩm.

Với mục tiêu và đề cương được công bố, nếu thực hiện tốt, sinh viên có kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị cơ khí thông dụng (máy tiện, hàn điện và dụng cụ nguội). Tuy nhiên, việc tổ chức, quản lý chất lượng học phần này hoàn toàn phụ thuộc vào Trung tâm cơ khí thực hành. Viện Cơ khí chưa có phương pháp đánh giá chất lượng. Trong thời gian tới, Viện sẽ phối hợp với Trung tâm cơ khí thực hành đề xuất giải pháp quản lý sinh viên, đảm bảo chất lượng học phần này.

Thực tập chuyên ngành

Thực tập chuyên ngành hiện tại mới chỉ thực hiện đối với sinh viên chuyên ngành Máy nâng chuyên (K53 trở về trước). Đợt thực tập này được thực hiện tại các cơ sở sản xuất ngoài trường. Quy trình thực hiện như sau:

Bước 1: Lập danh sách sinh viên đi thực tập (Phòng Đào tạo lập theo đăng ký của sinh viên);

Bước 2: Sinh viên lựa chọn hướng chuyên môn thực tập theo định hướng của bộ môn;

Bước 3: Sinh viên lựa chọn địa điểm thực tập (bộ môn giới thiệu hoặc sinh viên tự liên hệ);

Bước 4: Bộ môn phân công giáo viên hướng dẫn;

Bước 5: Sinh viên gặp giáo viên hướng dẫn và lấy giấy giới thiệu

Bước 6: Giáo viên hướng dẫn đưa sinh viên đến cơ sở, thống nhất đề cương và kế hoạch làm việc với cơ sở thực tập. Đối với sinh viên tự liên hệ cơ sở thì sinh viên phải báo cáo kế hoạch làm việc tại cơ sở với giáo viên hướng dẫn;

Bước 7: Sinh viên thực tập tại cơ sở. Trong quá trình thực tập, định kỳ giáo viên hướng dẫn gặp sinh viên, để hướng dẫn sinh viên viết báo cáo chuyên đề thực tập;

Bước 8: Kết thúc đợt thực tập, giáo viên hướng dẫn làm việc với cơ sở để nghe đánh giá, nhận xét thái độ, chất lượng của từng sinh viên và rút kinh nghiệm cho đợt sau;

Bước 9: Sinh viên hoàn thiện báo cáo thực tập;

Bước 10: Giáo viên hướng dẫn phê duyệt chuyên đề thực tập;

Bước 11: Sinh viên bảo vệ chuyên đề thực tập trước bộ môn.

Quy trình trên là chặt chẽ. Tuy nhiên, thực tế áp dụng xuất hiện một số hạn chế như sau:

Về hạn chế do yếu tố bên trong:

- Không có điều kiện tiên quyết cho các học phần thực tập dẫn đến sinh viên có thể chưa tích lũy đủ các kiến thức chuyên môn cần thiết trước kỳ thực tập;

- Sinh viên chưa ý thức được tầm quan trọng của các kỳ thực tập, nên thực hiện đối phó, không chủ động học hỏi, thậm chí bỏ cơ sở;

- Không có cán bộ chuyên phụ trách công tác thực tập. Giáo viên hướng dẫn thực tập chỉ kiểm tra định kỳ hoặc gián tiếp nghe sinh viên báo cáo, nên chưa phối hợp kiểm tra, giám sát tốt với cơ sở tiếp nhận. Một số trường hợp còn thiếu nhiệt tình, không sâu sát, dẫn đến tình trạng thực tập giả;

- Đề cương thực tập chưa sát với thực tế tại cơ sở;

- Đối với Viện Cơ khí, một số thầy cô còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, việc hướng dẫn thực tập tại cơ sở gặp nhiều khó khăn;

- Việc đánh giá kết quả cuối đợt còn làm qua loa, nương nhẹ cho sinh viên, chưa đúng với thực chất và chưa đạt mục tiêu phân loại tốt;

- Các BM cũng như Viện chưa có cơ chế kiểm tra, giám sát tình hình thực tập, dẫn đến giáo viên hướng dẫn lơ là, không theo sát sinh viên.

Về hạn chế do yếu tố bên ngoài Nhà trường:

- Việc tìm địa điểm thực tập phù hợp rất khó khăn, đặc biệt đối với các chuyên ngành mới (chưa có nhiều quan hệ);

- Nhiều trường hợp do không tìm hiểu kỹ nơi thực tập khiến sinh viên thực tập ở những đơn vị ít hoặc không có liên quan đến chuyên môn phù hợp;

- Nhiều doanh nghiệp ngại tiếp nhận sinh viên thực tập hoặc tiếp nhận qua loa, tự cho sinh viên nghỉ (do lo ngại an toàn lao động, không có người theo dõi hướng dẫn, hoặc ảnh hưởng đến công việc sản xuất).

Thực tập tốt nghiệp

Quy trình thực tập tốt nghiệp cũng tương tự thực tập chuyên ngành. Ngoài một số điểm hạn chế tương tự như đợt thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp còn bộc lộ một số hạn chế sau:

- Không định hướng được cho sinh viên mục tiêu cần đạt được trong đợt thực tập, dẫn đến đề cương thực tập chung chung, không sát với thực tiễn tại cơ sở;
- Không gắn đồ án tốt nghiệp với nhiệm vụ thực tập tốt nghiệp, dẫn đến thực tập qua loa, không thu thập được số liệu phục vụ đồ án tốt nghiệp.

1.2.4. Công tác đồ án tốt nghiệp

Các chuyên ngành Viện Cơ khí áp dụng mô hình làm đồ án tốt nghiệp (hiện mới áp dụng cho chuyên ngành MNC). Đồ án tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp kiến thức đã học ở các học phần để hoàn thành nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp được giao. Ngoài ra, đồ án tốt nghiệp cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tổng hợp thông tin, tra cứu, tham khảo tài liệu và kỹ năng viết. Tuy nhiên, việc thực hiện còn một số hạn chế sau:

- Nhiệm vụ đồ án tốt nghiệp còn xa rời thực tiễn. Hầu hết các đồ án không xuất phát và không gắn với nhu cầu thực tiễn mà đều do ý tưởng chủ quan của giảng viên;
- Đồ án tốt nghiệp phần lớn không gắn kết với kết quả đợt thực tập tốt nghiệp. Điều này dẫn đến tình trạng học một đường làm một nẻo, làm giảm hiệu quả của đợt thực tập tốt nghiệp;
- Một số đồ án đặt ra quá lớn (ví dụ thiết kế cả một hệ thống cần trục), dẫn đến vượt quá khả năng của sinh viên, tình trạng sao chép, hình thức còn phổ biến.

1.3. Kết luận Chương 1

Có thể thấy rằng chất lượng đào tạo đại học tại Viện Cơ khí nói riêng và ở Việt Nam nói chung còn tồn tại nhiều bất cập, chủ yếu do thái độ chủ quan, sự phối hợp không đồng bộ giữa các bộ phận và trình độ không đồng đều của từng giảng viên tham gia vào công tác giảng dạy. Ngoài yếu tố khách quan là trình độ khoa học công nghệ còn lạc hậu do với thế giới, thì yếu tố chủ quan của hệ thống quản lý đào tạo giữ vai trò chủ yếu quyết định chất lượng đào tạo.

Như vậy, việc nâng cao chất lượng đào tạo có thể thực hiện được bằng cách xây dựng một quy trình quản lý đào tạo khoa học hơn, chặt chẽ hơn, năng động hơn, với sự vào cuộc

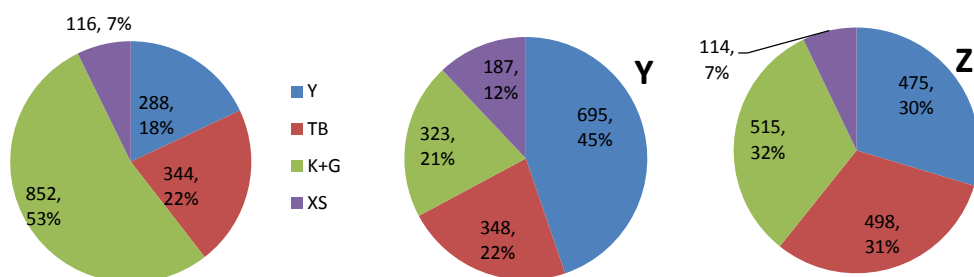
của từng cán bộ, giảng viên trong đơn vị. Một trong những yếu tố quan trọng là sự thay đổi trong nhận thức của giảng viên về trách nhiệm của mình trong quy trình đảm bảo chất lượng. Chất lượng khi đó là trách nhiệm của mình chứ không phải của Nhà trường hoặc của ai đó như nhận thức của nhiều cán bộ, giảng viên hiện nay.

Chương 2: Phân tích kết quả đánh giá học phần

2.1. Tổng hợp kết quả đánh giá học phần cả Viện

Kết quả tổng hợp đánh giá học phần trong học kỳ 1B được thể hiện qua các biểu đồ dưới.

Điểm vận dụng



Hình 2. Tổng hợp kết quả học kỳ 1 Viện Cơ khí

Kết quả điểm Z cuối kỳ cho thấy phân bố phổ điểm tương đối phù hợp, với tỷ lệ yếu 30%, trung bình 31% và khá giỏi 32%. Tuy nhiên, Hai biểu đồ điểm Y và điểm vận dụng (X3) có độ tương phản rõ nét. Trong khi điểm Y có tỷ lệ yếu lên tới 45% thì tỷ lệ yếu của điểm X3 chỉ là 10%, còn tổng tỷ lệ khá, giỏi, xuất sắc lên đến 70%.

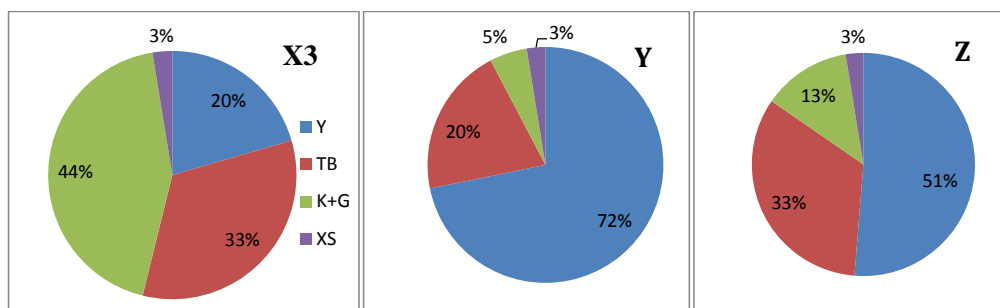
Nhận xét:

- Điểm X nói chung và điểm vận dụng (X3) nói riêng có tỷ lệ rất cao do tâm lý dễ dãi, nâng đỡ của đa số giảng viên hiện nay.
- Phổ điểm Y có mức độ phân bố tương đối phù hợp. Điều này thể hiện tính khách quan trong việc tổ chức thi hết học phần;
- Điểm Y có tỷ lệ yếu cao thể hiện kết quả học tập còn kém. Điều này do nhiều nguyên nhân và cần phải được cải thiện;
- Phổ điểm Z tương đối phù hợp, tỷ lệ yếu cần phải cải thiện thêm. Tuy nhiên, Z đạt được như vậy là do điểm X kéo lên. Điều quan trọng hơn cả là phải đưa phổ điểm X và Y tương đồng với nhau.

2.2. Phân tích kết quả đánh giá học phần các bộ môn

a. Bộ môn Cơ điện tử

Là chuyên ngành mới được thành lập, BM Cơ điện tử chỉ thực hiện 01 học phần Động lực học hệ nhiều vật trong học kỳ 1B với số lượng sinh viên là 39. Kết quả như sau:



Hình 3. Kết quả đánh giá học phần Bộ môn Cơ điện tử

Nhận xét:

- Phổ điểm X3 phân bố tương đối phù hợp và có tính phân loại tốt;
- Điểm Y có tỷ lệ yếu quá cao, cần phải xem xét lại phương pháp tiếp cận;
- Điểm Z có tỷ lệ yếu cao do điểm Y quá thấp.

b. Bộ môn MXD

1. Kết quả tổng hợp

Tổng số lượt SV học tập: 477;

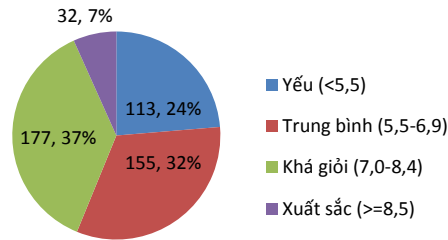
Số lượng nhóm HP: 12 + 2 HP thiết kế môn học;

Học phần có số SV đông nhất: Máy xây dựng (148SV).

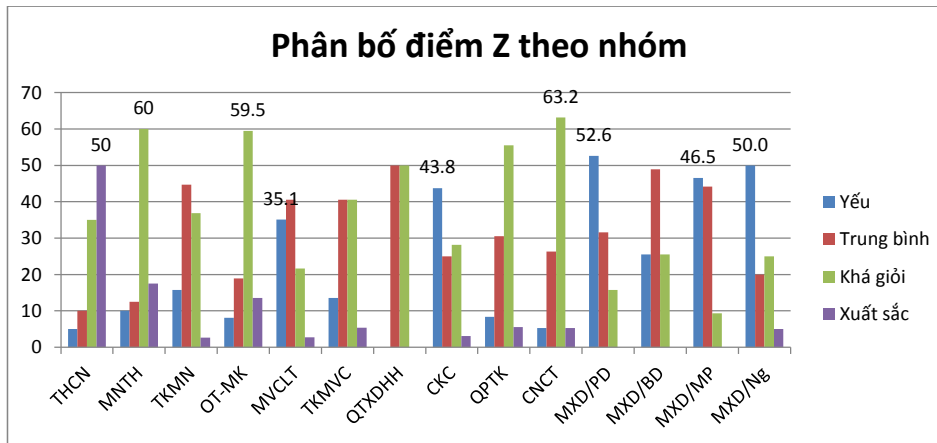
Kết quả tổng hợp được mô tả trong hai biểu đồ dưới. Một số nhận xét như sau:

- Tỷ lệ yếu và phân bố kết quả chung (điểm Z) cả bộ môn đạt yêu cầu;
- Phân bố tỷ lệ yếu, khá giỏi, xuất sắc rất khác nhau giữa các học phần;
- Các học phần Máy xây dựng, Cơ kết cấu, Máy VC liên tục tỷ lệ yếu cao;
- Các học phần Tin học CN, Máy nâng TH, QTXDHH, Quy phạm TK, Công nghệ CT có tỷ lệ khá giỏi, xuất sắc quá cao.

Phân bố điểm Z cả BM



Phân bố điểm Z theo nhóm



Hình 4. Kết quả đánh giá học phần Bộ môn Máy xếp dỡ

2. Học phần Máy xây dựng

Đặc điểm: Học phần MXD là học phần chỉ có lý thuyết (2TC).

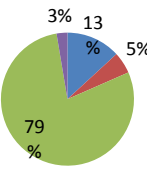
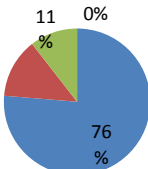
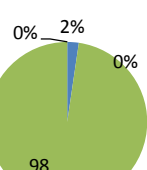
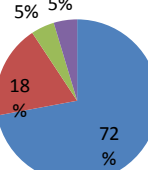
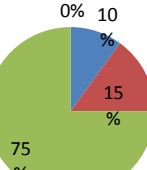
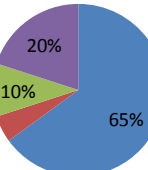
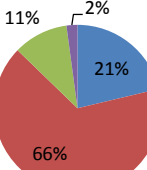
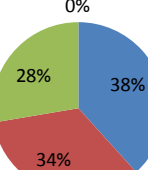
Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$

Học phần gồm 03 nhóm ĐH, 01 nhóm CĐ với phân công chi tiết như sau:

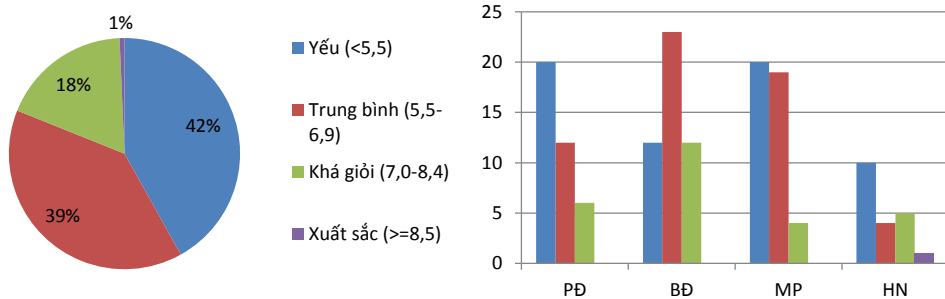
Một số kết quả phân tích như sau:

Bảng 3. Kết quả đánh giá học phần các nhóm Máy xây dựng

No	Điểm X3	Điểm Y	Điểm Z	Nhận xét
----	---------	--------	--------	----------

1	 <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ XS</p>		<p>X3: Tỷ lệ khá giỏi cao (79%) Y: Tỷ lệ yếu quá cao (76%) X3 và Y không tương đồng Z: Yếu 53% còn quá cao</p>
2			<p>X3: Không phân loại được SV Y: Yếu quá cao (72%) Z: Yếu quá cao Mục tiêu phân loại SV chưa đạt</p>
3			<p>Y: Tỷ lệ yếu kém quá cao; X3 và Y không tương đồng Z: Tỷ lệ yếu quá cao</p>
4			<p>Phân loại SV tương đối tốt, mặc dù là hệ CĐ</p>

Tổng hợp cả học phần:



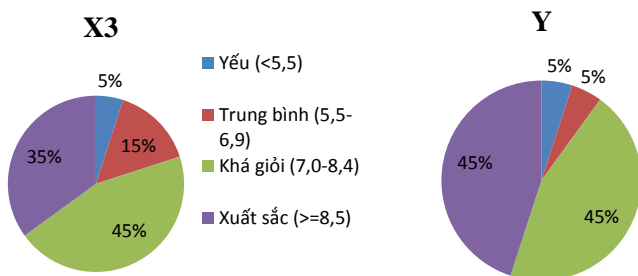
Hình 5. Tổng hợp các nhóm học phần Máy xây dựng

Nhận xét chung: Nhìn chung tỷ lệ yếu còn cao, phổ điểm X và Y không tương đồng. Phổ điểm của các nhóm khác nhau cũng rất khác nhau. Điều này phản ánh quan điểm đánh giá và khả năng kiểm soát của từng giảng viên rất khác nhau. Đối với điểm quá trình nói chung, điểm vận dụng X(3) nói riêng các thầy/cô còn xem nhẹ, chưa phân loại tốt SV, một số thầy/cô dễ dãi. Điểm Y còn quá thấp, cần kiểm soát sinh viên tốt hơn trong quá trình lên lớp, xem xét lại việc ra đề, tổ chức thi cuối kỳ.

3. Học phần Tin học chuyên ngành

Đặc điểm: Học phần có LT, TH, 2TC, gồm 01 nhóm, 20SV.

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,2X2 + 0,3X3 + 0,3X4$,



Nhận xét: Phổ điểm X, Y khá tương đồng. Tuy nhiên, tỷ lệ khá giỏi, xuất sắc quá cao. Không phù hợp với quy luật chung.

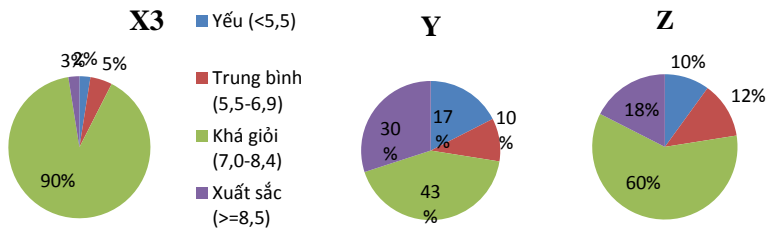
4. Học phần Máy nâng tự hành

Đặc điểm: Học phần có LT và TH, 4TC, gồm 01 nhóm, 40SV.

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,2X2 + 0,3X3 + 0,3X4$,

Comment [P1]: Thêm biểu đồ X4

Comment [P2]: Thêm biểu đồ X4

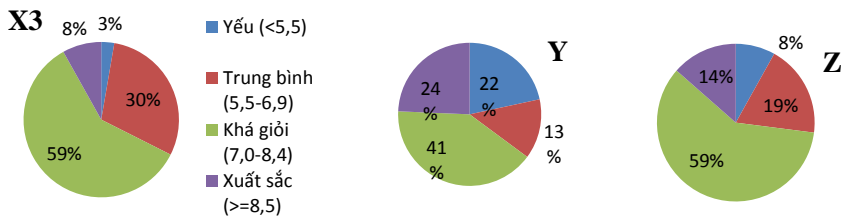


Nhận xét: Điểm X(3) quá cao, điểm Y phân loại tốt, điểm Z khá giỏi cao do điểm X quá cao.

5. Học phần ô tô-máy kéo

Đặc điểm: Học phần chỉ có LT, 2TC, gồm 01 nhóm, 37SV.

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$

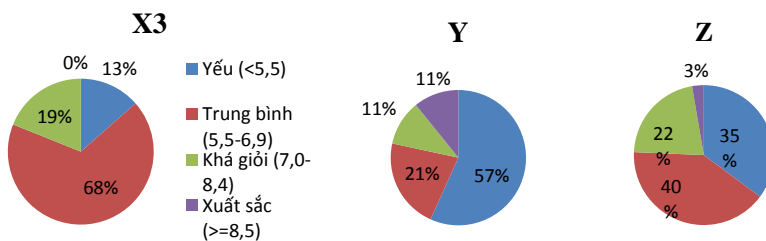


Nhận xét: Điểm X3 quá cao, điểm Y phân loại tốt, điểm Z quá cao do X cao kéo lên. Giảng viên dễ dãi khi đánh giá điểm X.

6. Học phần Máy vận chuyển liên tục

Đặc điểm: Học phần có LT, TH, 3TC, gồm 01 nhóm 37SV.

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,2X2 + 0,3X3 + 0,3X4$



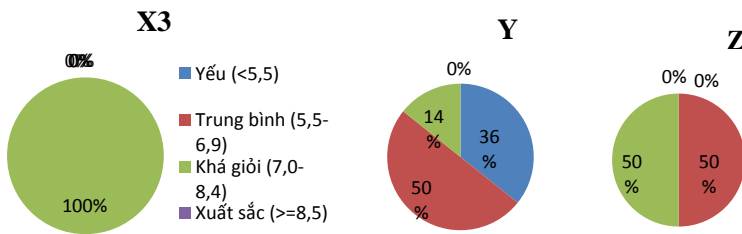
Comment [P3]: Thêm biểu đồ X4

Nhận xét: Điểm X(3) phân loại tương đối tốt, điểm Y tỷ lệ yếu quá cao làm cho điểm Z bị kéo xuống thấp.

7. Học phần Quy trình xếp dỡ hàng hóa

Đặc điểm: Học phần chỉ có LT, 2TC, gồm 01 nhóm 14SV.

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$,

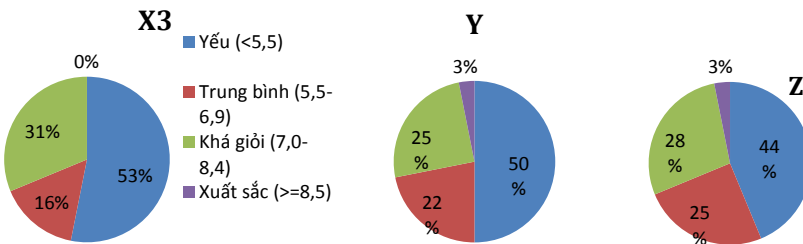


Nhận xét: Điểm X(3) chưa phân loại tốt, phổ điểm Y phân loại tốt nhưng còn hơi thấp.

8. Học phần Cơ kết cấu

Đặc điểm: Học phần chỉ có LT, 3TC, gồm 01 nhóm 32SV.

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$,



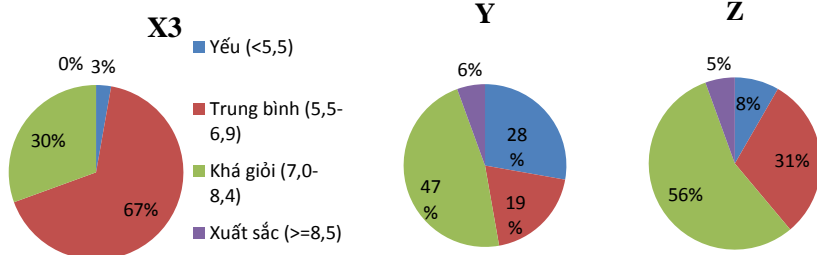
Nhận xét: Các điểm X(3), Y, Z đều phân loại tốt. Tuy nhiên, tỷ lệ yếu quá cao.

9. Học phần Quy phạm thiết kế

Đặc điểm: Học phần chỉ có LT, 1TC, gồm 01 nhóm 36SV

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$,

Comment [P4]: Sao lại chỉ có 1TC



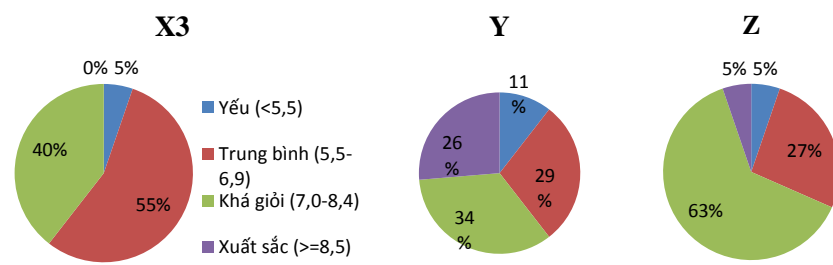
Nhận xét: Tỷ lệ khá giỏi cao quá.

10. Học phần Công nghệ chế tạo MNC

Đặc điểm: Học phần chỉ có LT, TH, 3TC, gồm 01 nhóm 38SV.

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,2X2 + 0,3X3 + 0,3X4$

Comment [P5]: Thêm biểu đồ X4



Nhận xét: Điểm Y có tỷ lệ khá, giỏi, xuất sắc quá cao.

c. Bộ môn CNVL

Tổng số lượt SV học tập: 681;

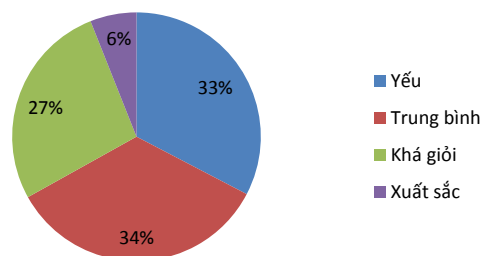
Số lượng nhóm học phần: 17;

Học phần có số SV đông nhất: Vật liệu kỹ thuật (315SV);

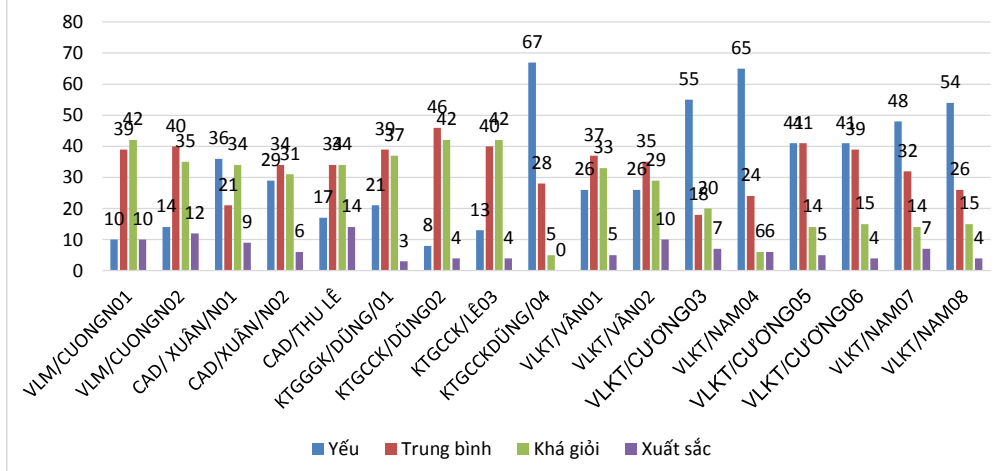
Nhận xét chung:

- Phổ điểm Z chung cả bộ môn đạt yêu cầu về phân loại. Tuy nhiên, phân bố điểm ở các nhóm học phần khác nhau thì rất khác nhau. Một số học phần có tỷ lệ yếu quá cao như: KTGCK04 (67%), VLKT04 (65%), VLKT03 (55%), VLKT08 (54%), VLKT07 (48%), VLKT 05, 06 (41%).

PHÂN BỐ ĐIỂM Z CẢ BỘ MÔN



PHÂN BỐ ĐIỂM Z THEO NHÓM HỌC PHẦN



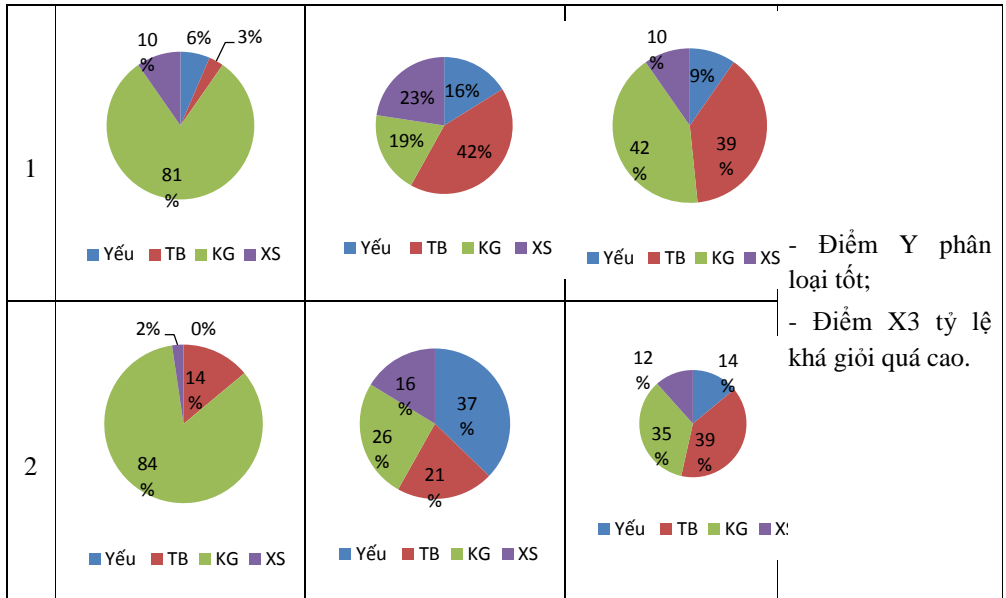
1. Học phần Vật liệu mới

Đặc điểm: Học phần VI M là học phần chỉ có lý thuyết (2TC).

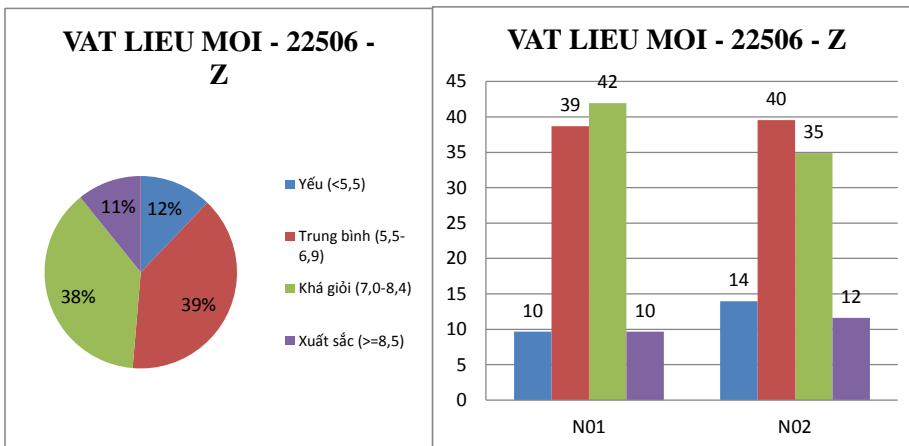
Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$

Học phần gồm 02 nhóm đại học. Một số kết quả phân tích như sau:

No	Điểm X3	Điểm Y	Điểm Z	Nhận xét
----	---------	--------	--------	----------



Tổng hợp cả học phần



Nhận xét chung: Điểm Z có phân bố phù hợp, hai nhóm tương đồng.

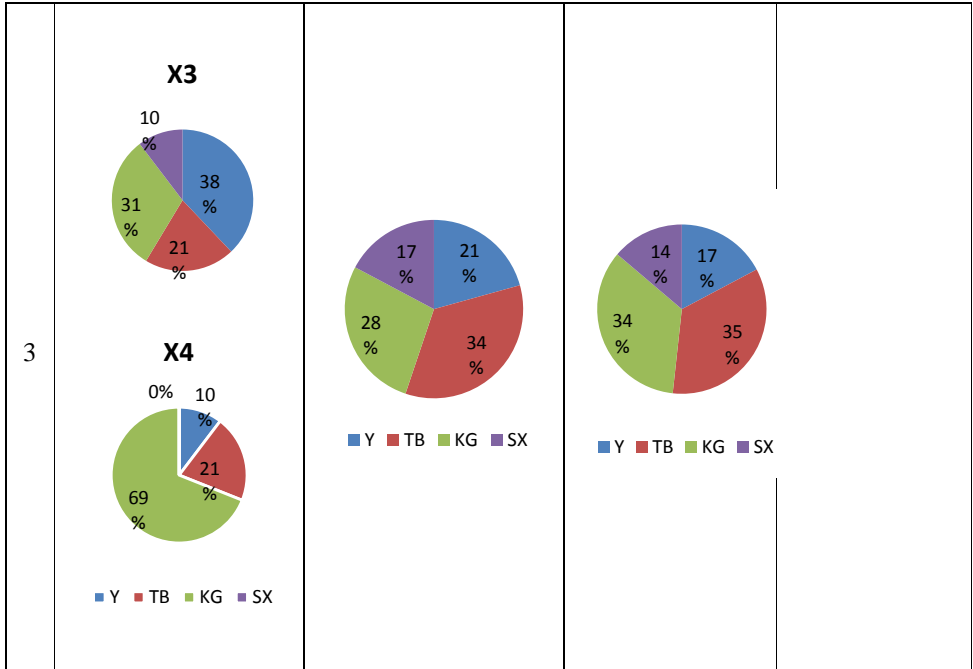
2. Học phần CAD - CAM

Đặc điểm: Học phần CAD-CAM là học phần có lý thuyết và thực hành (2TC).

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,2X2 + 0,3X3 + 0,3X4$

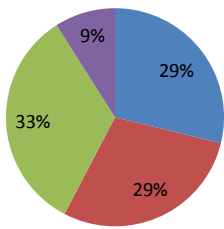
Học phần gồm 02 nhóm đại học. Một số kết quả phân tích như sau:

No	Điểm X3	Điểm Y	Điểm Z	Nhận xét
1	<p>X3</p> <p>X4</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	
2	<p>X3</p> <p>X4</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	



Tổng hợp cả học phần

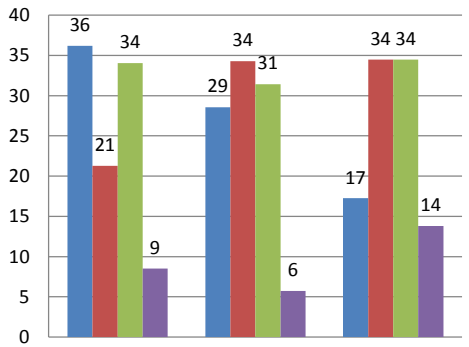
CAD - CAM - 22505 - Z



- Yếu (<5,5)
- Trung bình (5,5-6,9)
- Khá giỏi (7,0-8,4)
- Xuất sắc (>=8,5)

Nhận xét chung:

CAD - CAM - 22505 - Z

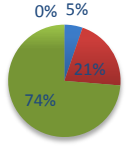
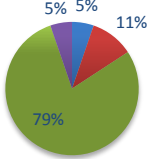
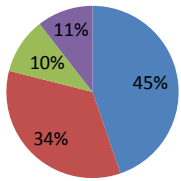
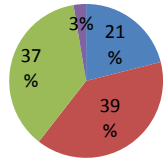


3. Học phần Kỹ thuật GCCK

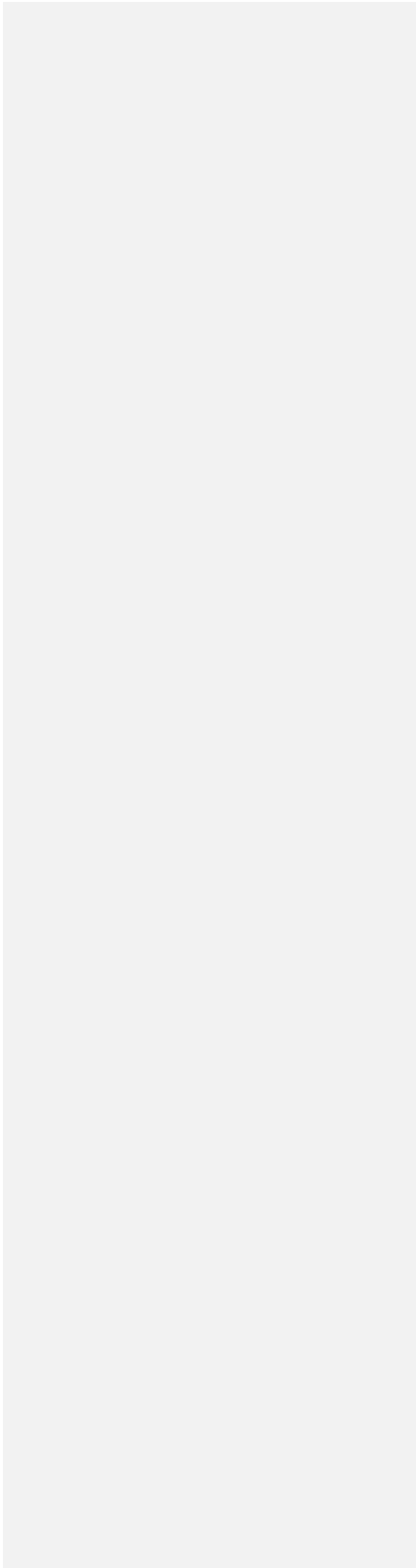
Đặc điểm: Học phần KTGCCK là học phần có lý thuyết và TH (3TC).

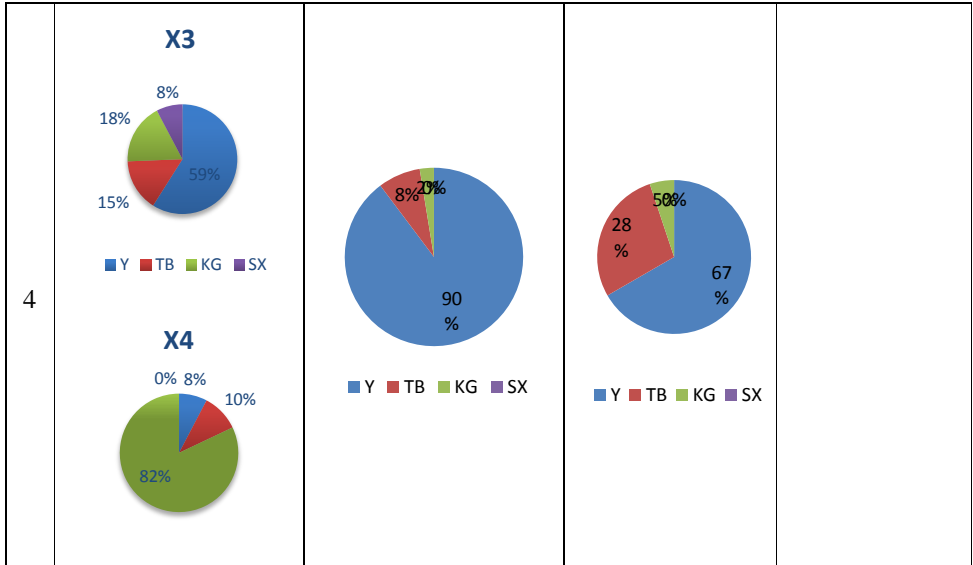
Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,2X2 + 0,3X3 + 0,3X4$,

Học phần gồm 03 nhóm ĐH. Một số kết quả phân tích:

No	Điểm X3,X4	Điểm Y	Điểm Z	Nhận xét
1	<p>X3</p>  <p>0% 5% 21% 74%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p>  <p>5% 5% 11% 79%</p>	 <p>11% 10% 34% 45%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	 <p>3% 21% 39% 37%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	

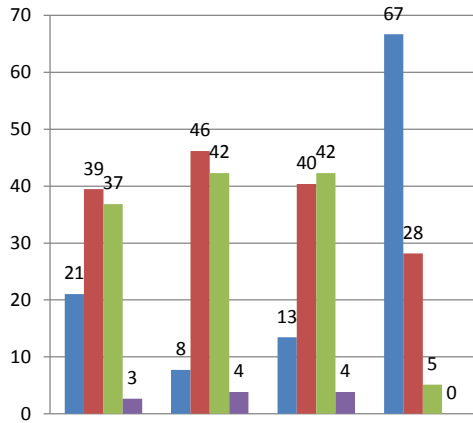
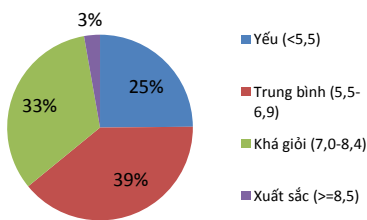
2	<p>X3</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	
3	<p>X3</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	





Tổng hợp cả học phần

KTGCCK - 22502 - Z



Nhận xét chung:

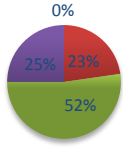
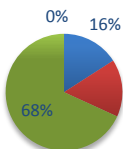
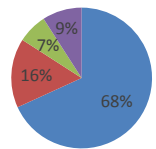
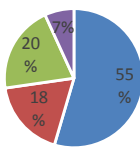
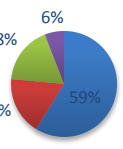
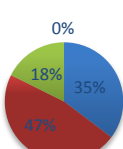
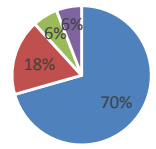
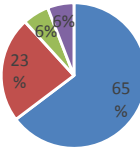
4. Học phần Vật liệu kỹ thuật

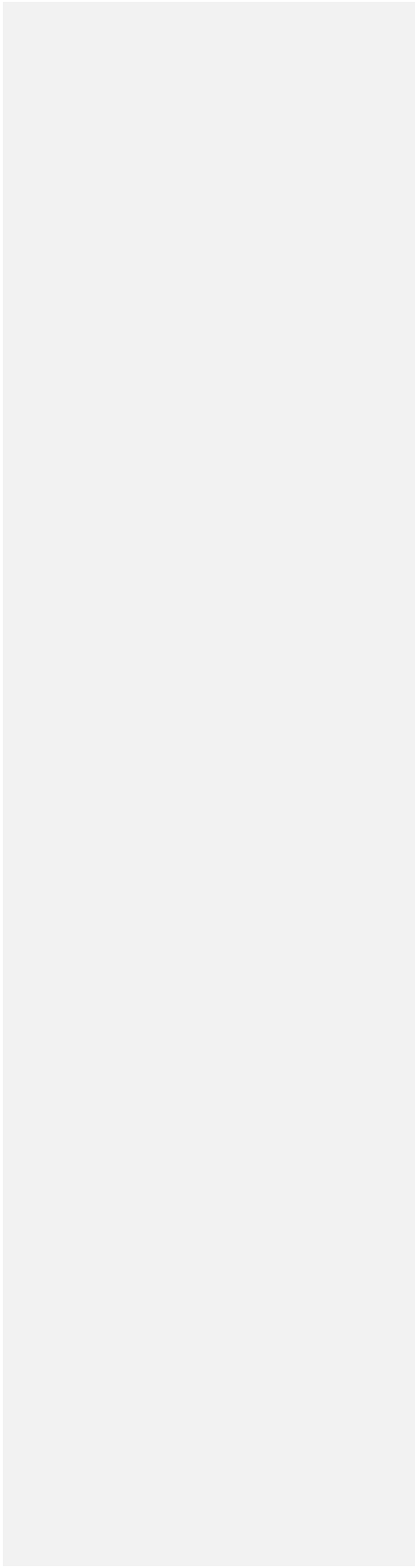
Đặc điểm: Học phần VLKT là học phần có lý thuyết và TH (3TC).

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,2X2 + 0,3X3 + 0,3X4$,

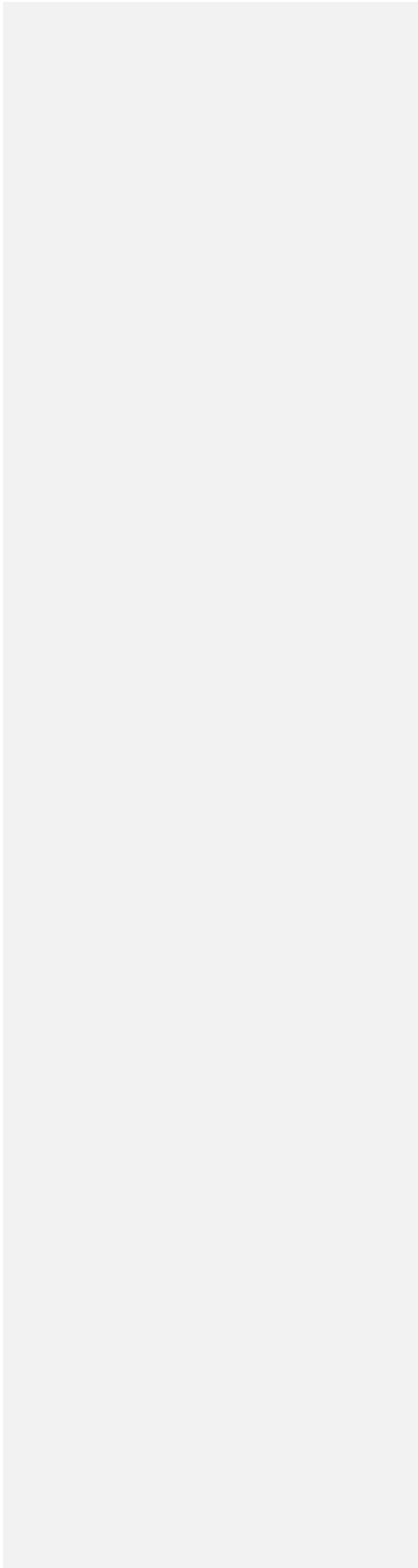
Học phần gồm 08 nhóm ĐH. Một số kết quả phân tích

No	Điểm X3,X4	Điểm Y	Điểm Z	Nhận xét
1	<p>X3</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	
2	<p>X3</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	

3	<p>X3</p>  <p>0% 25% 23% 52%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p>  <p>0% 16% 68% 16%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	 <p>9% 7% 16% 68%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	 <p>20% 7% 18% 55%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	
4	<p>X3</p>  <p>6% 18% 17% 59%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p>  <p>0% 18% 35% 47%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	 <p>5% 5% 18% 70%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	 <p>5% 6% 23% 65%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	

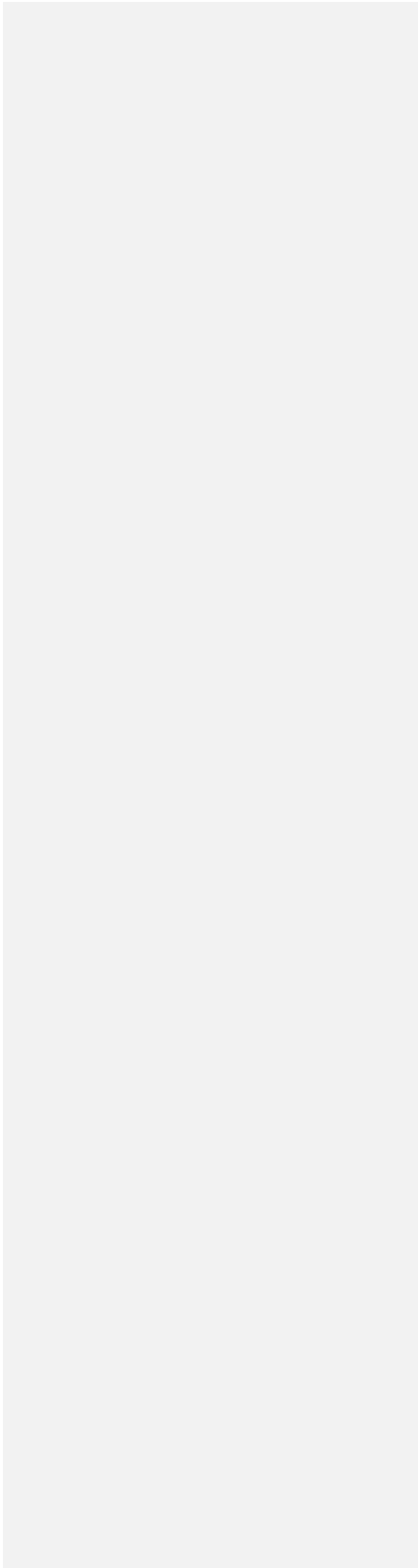


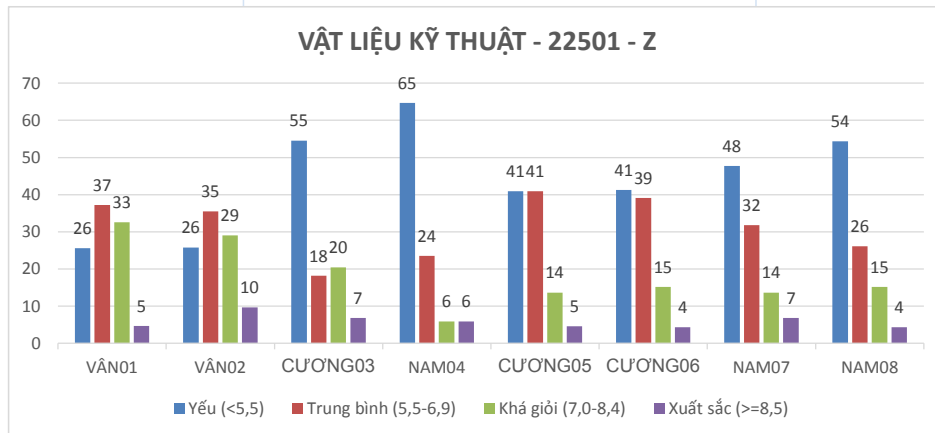
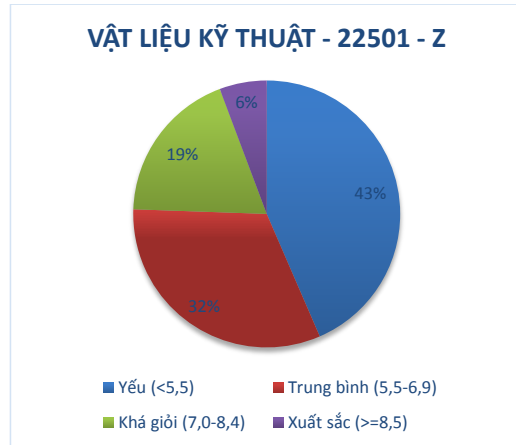
5	<p>X3</p> <p>7% 2% 23% 68%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p> <p>0% 43% 25% 32%</p>	<p>7% 9% 18% 66%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>4% 14% 41% 41%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	
6	<p>X3</p> <p>4% 7% 9% 80%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p> <p>4% 7% 9% 80%</p>	<p>4% 7% 22% 67%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>3% 15% 39% 41%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	



7	<p>X3</p> <p>0% 34% 43% 23%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p> <p>2% 25% 52% 21%</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	
8	<p>X3</p> <p>0% 28% 52% 20%</p> <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p> <p>X4</p> <p>2% 19% 59% 20%</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	<p>■ Y ■ TB ■ KG ■ SX</p>	

Tổng hợp cả học phần:





Nhận xét chung: Các nhóm 1, 2 có phân bố điểm tương đối phù hợp. Một số nhóm có tỷ lệ yếu quá cao. Phân bố các điểm X3, X4 nhìn chung quá cao, trong khi điểm Y có tỷ lệ yếu quá cao.

d. Bộ môn KTCK

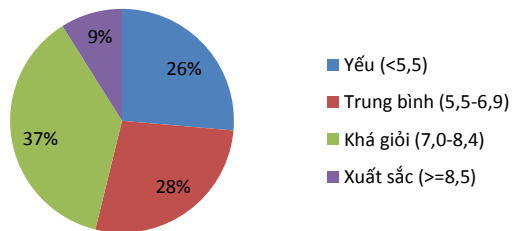
Tổng hợp bộ môn

Tổng số lượt SV học tập: 470;

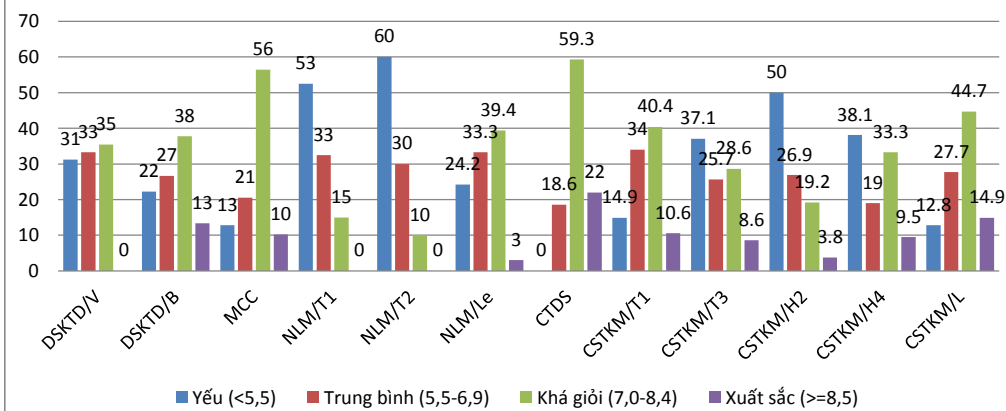
Số lượng nhóm HP: 12;

Học phần có số SV đông nhất: Cơ sở thiết kế máy (176SV);

PHÂN BỐ ĐIỂM Z



Phân bố điểm Z theo nhóm



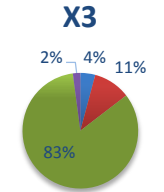
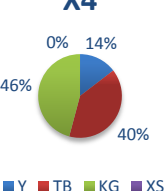
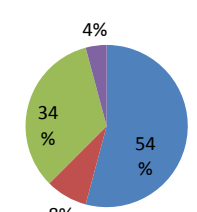
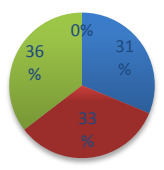
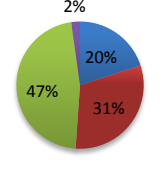
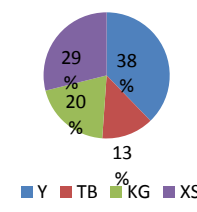
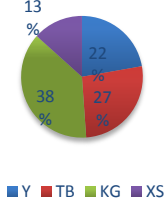
Nhận xét chung: Phổ điểm của các nhóm học phần rất khác nhau. Một số nhóm có phân bố không phù hợp với tỷ lệ yếu quá cao như: NLM02 (60%), NLM01 (53%), CSTKM02 (50%).

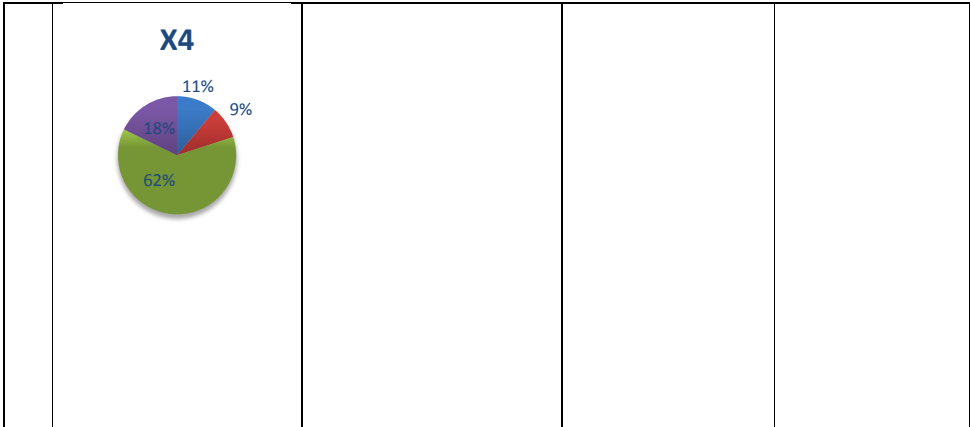
2. Học phần Dung sai kỹ thuật đo

Đặc điểm: Học phần DSKTĐ là học phần chỉ có lý thuyết (2TC).

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,2X2 + 0,3X3 + 0,3X4$,

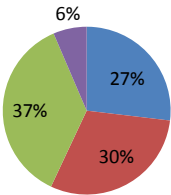
Học phần gồm 02 nhóm ĐH. Một số kết quả phân tích như sau:

No	Điểm X3,X4	Điểm Y	Điểm Z	Nhận xét
1	<p>X3</p>  <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ XS</p> <p>X4</p>  <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ XS</p>	
2	<p>X3</p>  <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Y ■ TB ■ KG ■ XS</p>	

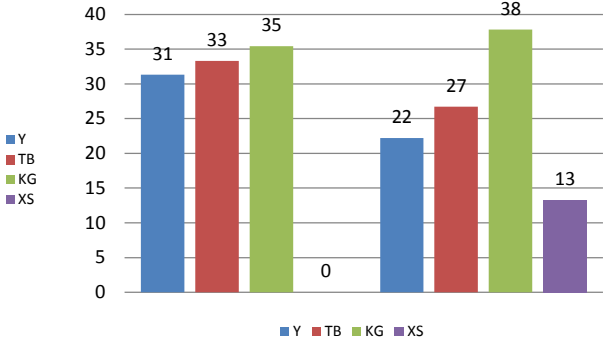


Tổng hợp cả học phần

Dung sai KT đo - 22603 - Z



Dung sai KT đo - 22603



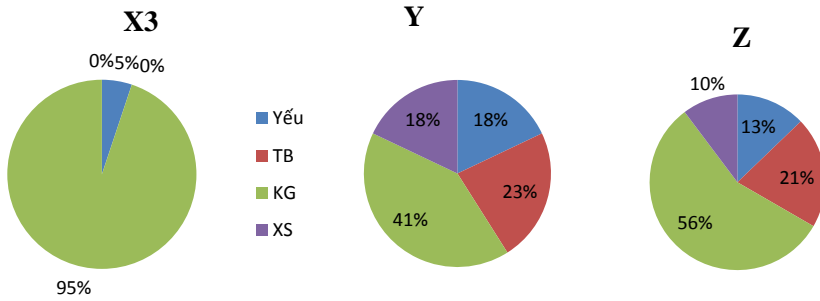
Nhận xét chung:

3. Học phần Máy công cụ

Đặc điểm: Học phần MCC là học nhân chỉ có lý thuyết (3TC).

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$

Học phần gồm 01 nhóm 39 SV



Nhận xét chung phổ điểm:

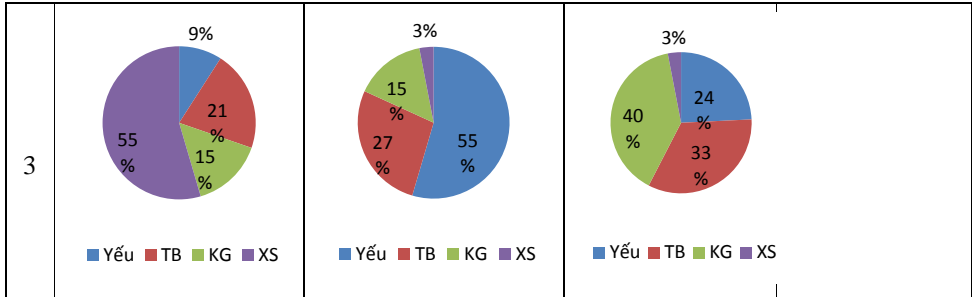
4. Học phần Nguyên lý máy

Đặc điểm: Học phần NLM là học phần chỉ có lý thuyết (2TC).

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$

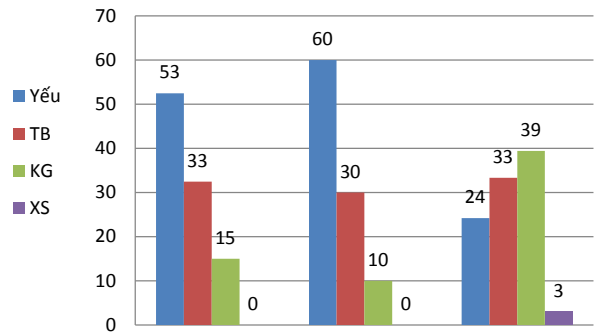
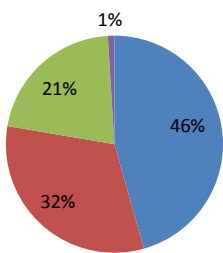
Học phần gồm 03 nhóm ĐH. Một số kết quả phân tích như sau:

No	Điểm X3	Điểm Y	Điểm Z	Nhận xét
1	<p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	<p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	<p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	
2	<p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	<p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	<p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	



Tổng hợp cả học phần

Nguyên lý máy - 22621



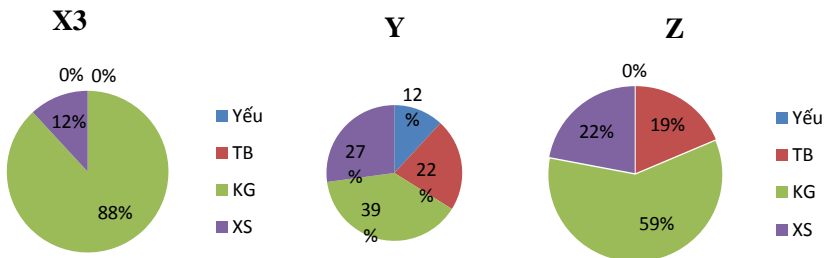
Nhận xét chung:

5. Học phần Chi tiết dung sai

Đặc điểm: Học phần CTDS là học nhân chỉ có lý thuyết (2TC).

Công thức đánh giá: $X = 0,2X1 + 0,3X2 + 0,5X3$

Học phần gồm 01 nhóm 59 SV



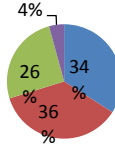
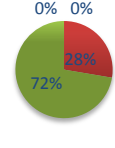
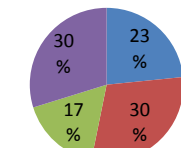
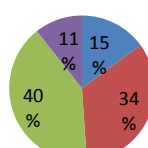
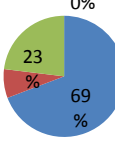
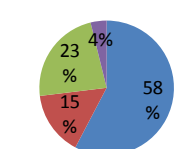
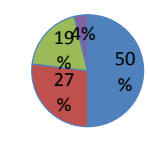
Nhận xét chung phổ điểm:

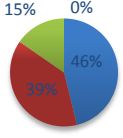
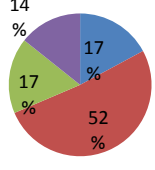
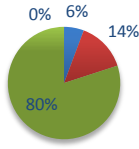
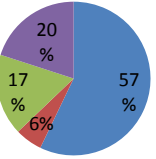
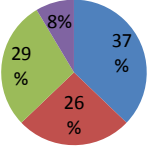
5. Học phần Cơ sở thiết kế máy

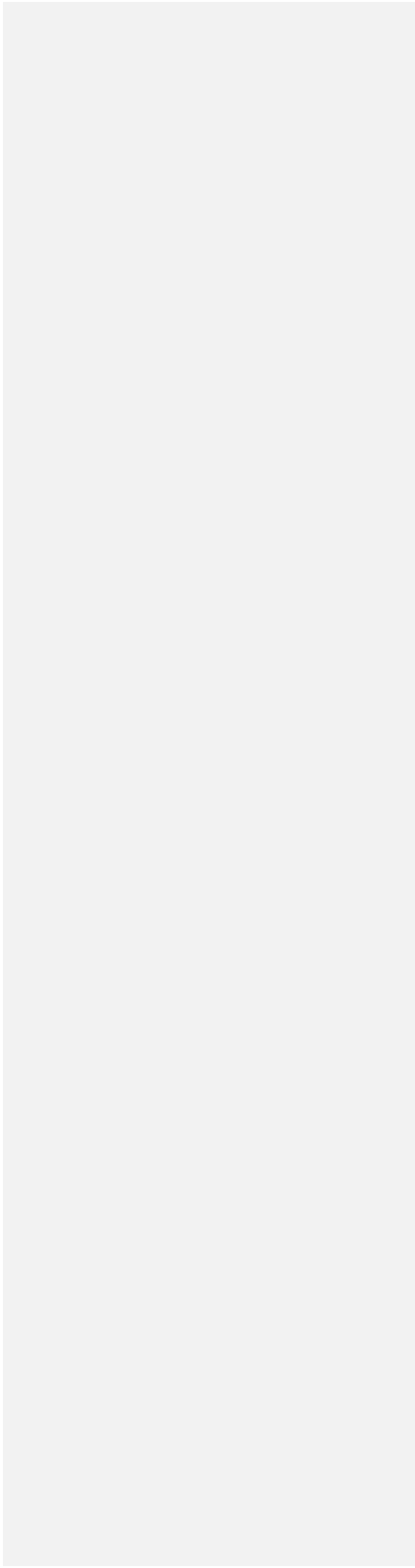
Đặc điểm: Học phần CSTKM là học phần có lý thuyết, TH và TKMH (5TC).

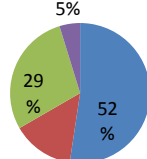
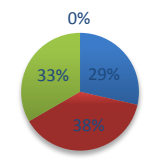
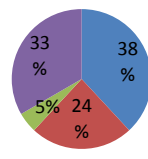
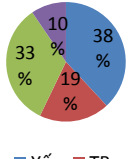
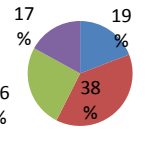
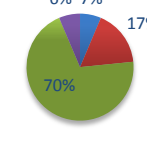
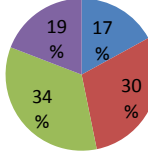
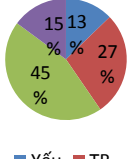
Công thức đánh giá: **0.2X1 + 0.3X4 + 0.5X6**

Học phần gồm 05 nhóm ĐH. Một số kết quả phân tích như sau:

No	Điểm X	Điểm Y	Điểm Z	Nhận xét
1	<p>X6</p>  <p>X4</p>  <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	
2	<p>X6</p> 	 <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	

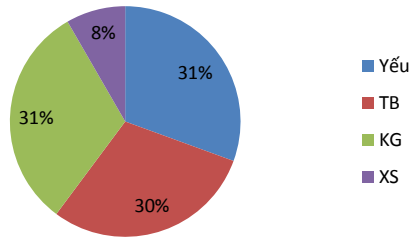
	<p>X4</p>  <p>15% 0% 46% 39%</p> <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>			
3	<p>X6</p>  <p>14% 17% 17% 52%</p> <p>X4</p>  <p>0% 6% 14% 80%</p> <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>20% 17% 6% 57%</p> <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>8% 29% 26% 37%</p> <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	



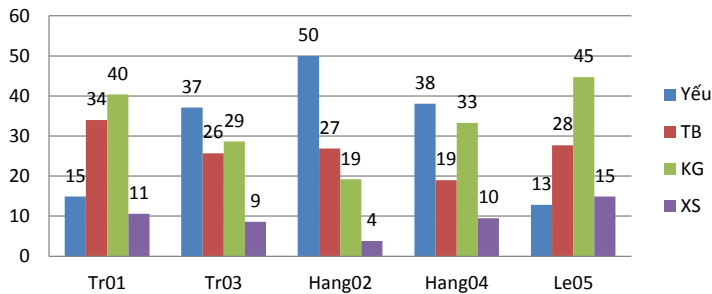
4	<p>X6</p>  <p>X4</p>  <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	
5	<p>X6</p>  <p>X4</p>  <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	 <p>■ Yếu ■ TB ■ KG ■ XS</p>	

Tổng hợp cả học phần:

CSTKM-22623-Z



CSTKM-22623



Nhận xét chung: Một số nhóm có phân bố các điểm X4, X6, Y không phù hợp, tỷ lệ yếu quá cao. Các nhóm khác nhau có phổ điểm rất khác nhau.

Kết luận Chương 2

Qua phân tích kết quả đánh giá học phần học kỳ 1 năm học 2015-2016, có thể rút ra một số kết luận sau:

- Nhìn chung các học phần được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao của giảng viên. Quy trình tổ chức đánh giá là khách quan, loại trừ được hiện tượng thiếu khách quan hoặc tiêu cực;

- Phổ điểm Z với tỷ lệ yếu kém gần 30% là tương đối phù hợp và có nhiều cải thiện so với các học kỳ trước. Phổ điểm của các bộ môn cũng tương đối phù hợp và không có sự khác biệt nhiều;

- Nhìn chung phổ điểm X khá cao. Ngược lại, phổ điểm Y khá thấp. Một số học phần có tỷ lệ yếu quá cao, cao nhất là 60%;

- Có sự khác nhau rất lớn về kết quả đánh giá giữa các nhóm học phần. Thậm chí, một học phần có nhiều nhóm với các giảng viên khác nhau cũng có phổ điểm rất khác nhau. Điều này thể hiện rõ sự khác nhau về cách tiếp cận, khả năng kiểm soát cũng như quan điểm về đánh giá học phần giữa các giảng viên. Vai trò của bộ môn và trưởng bộ môn nói riêng cũng không được thể hiện rõ về vấn đề này.

Chương 3. Phân tích kết quả khảo sát sinh viên

3.1. Thông tin chung

Cuối Học kỳ 1B, Viện Cơ khí đã tiến hành khảo sát ý kiến sinh viên cho 100% số học phần giảng dạy bởi các giảng viên của Viện. Nội dung khảo sát bao gồm 27 câu hỏi, bao trùm ba phần cơ bản là: Quá trình giảng dạy của giảng viên; Công tác thực hành, bài tập lớn, thiết kế môn học; Công tác ra đề thi, đánh giá cuối kỳ. Mẫu phiếu khảo sát như sau.

Kết quả phân tích số liệu khảo sát được nêu chi tiết ở phần sau. Một số nhận xét chung về đợt khảo sát như sau:

- Nhìn chung sinh viên còn thờ ơ với công tác khảo thí do nhận thức chưa đúng mực về công tác này, tâm lý còn rụt rè với việc chấm điểm ngược;
- Tỷ lệ phiếu hợp lệ chỉ đạt 60% (phiếu hợp lệ được coi là phiếu đánh dấu vào hầu hết các câu hỏi và có lựa chọn khác nhau cho mỗi câu hỏi);
- Việc bố trí bảng câu hỏi tổng hợp chung cho các loại học phần (học phần lý thuyết, có thực hành, bài tập lớn, thiết kế môn học) là chưa hợp lý, dẫn đến lúng túng cho sinh viên và làm tăng số lượng câu hỏi.

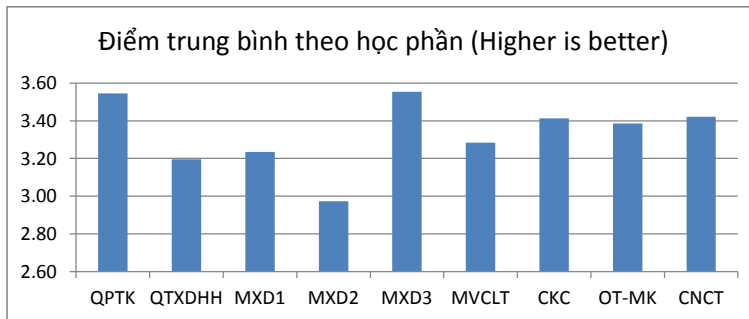
STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Tô đen phần phù hợp nhất			
<i>1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 = Không đồng ý một phần; 3 = Cơ bản đồng ý; 4 = Hoàn toàn đồng ý</i>					
I	Hoạt động giảng dạy lý thuyết	1	2	3	4
1	Mục tiêu, đề cương học tập của học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được và được công bố từ đầu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Cách thức đánh giá học phần được công bố và làm rõ từ đầu. Nếu có xin ghi rõ công thức: X =; Z =	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Trong cách đánh giá học phần được công bố có nhấn mạnh khả năng vận dụng kiến thức được giảng dạy vào thực tiễn (điểm vận dụng)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Tài liệu giảng dạy (giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng) có tính cập nhật, phong phú và dễ tiếp cận	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Nội dung học phần phù hợp trình độ của người học, có tính hiện đại, có gắn với thực tiễn ngành nghề	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	GV có sử dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ giảng dạy (trình chiếu, phần mềm ứng dụng, website cá nhân giảng viên, tìm kiếm thông tin trên internet)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu và tạo cho bạn cảm giác thoải mái, hứng thú trong quá trình học tập	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Tô đen phần phù hợp nhất			
8	GV có áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực (khuyến khích tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, tổ chức chuyên đề, thảo luận nhóm, áp dụng thực tiễn, ...)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	GV có cung cấp kênh thông tin để SV dễ dàng trao đổi, giải đáp thắc mắc (qua điện thoại, email, tại văn phòng bộ môn)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10	GV thân thiện, nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11	GV đảm bảo giờ lên lớp và sử dụng thời gian một cách có hiệu quả	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
II	Hoạt động giảng dạy thực hành (nếu có)	1	2	3	4
12	Đề cương phần thực hành có nêu rõ kiến thức và kỹ năng cần đạt được và được công bố từ đầu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
13	Giờ thực hành được sử dụng đủ và hiệu quả	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
14	Bạn thực sự được LÀM trong giờ thực hành (hay chỉ NHÌN)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
15	Giảng viên có chuyên môn tốt, nhiệt tình, trách nhiệm, tôn trọng và ứng xử đúng mực với SV trong giờ thực hành	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
16	Theo bạn điểm thực hành được đánh giá công bằng, chính xác	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
17	Bạn có đạt được kỹ năng yêu cầu qua phần thực hành của môn học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
III	Bài tập lớn (BTL), thiết kế môn học (TKMH) (nếu có)	1	2	3	4
18	BTL, TKMH có được triển khai và kiểm tra đúng tiến độ	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
19	BTL, TKMH có khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu, tránh sao chép	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
20	BTL, TKMH có tính ứng dụng thực tiễn	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
21	BTL, TKMH được đánh giá chính xác, công bằng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
IV	Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	1	2	3	4
22	Đề thi cuối kỳ có phù hợp với nội dung giảng dạy	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
23	Đề thi cuối kỳ đánh giá tổng hợp được kiến thức yêu cầu của học phần	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
24	Đề thi cuối kỳ khuyến khích tư duy, suy luận, không cần thuộc lòng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

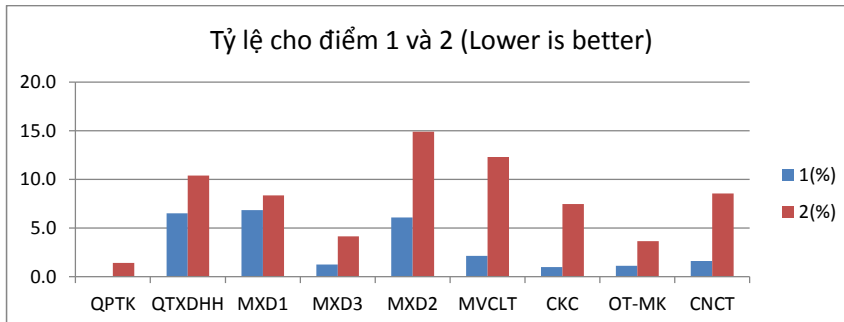
STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Tô đen phần phù hợp nhất			
25	Điểm đánh giá quá trình (X) được công bố trước khi kết thúc học phần	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
26	Điểm đánh giá quá trình (X) được đánh giá công bằng, chính xác	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
27	Một cách tổng thể, bạn hài lòng về chất lượng học phần này	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

3.2. Tổng hợp kết quả khảo sát Bộ môn MXD

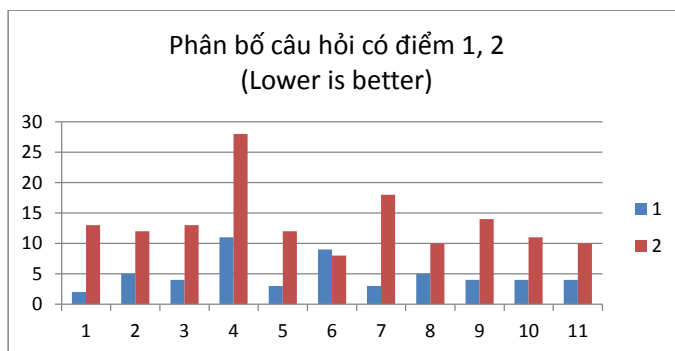
Tổng hợp 11 câu hỏi về hoạt động giảng dạy



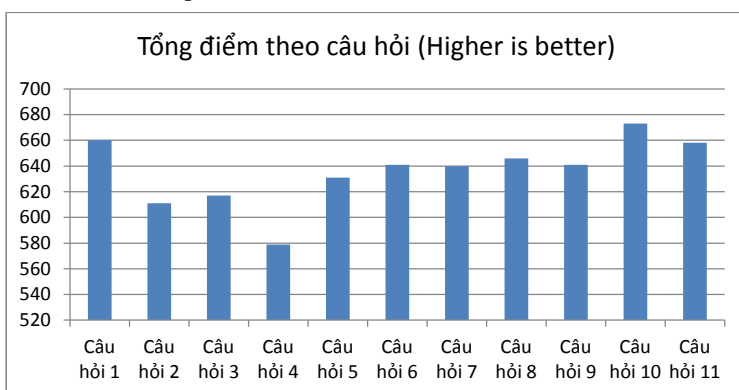
Nhận xét: HP MXD2 có điểm trung bình thấp nhất



Nhận xét: Học phần MXD2 có số phiếu cho điểm 1, 2 lớn nhất.

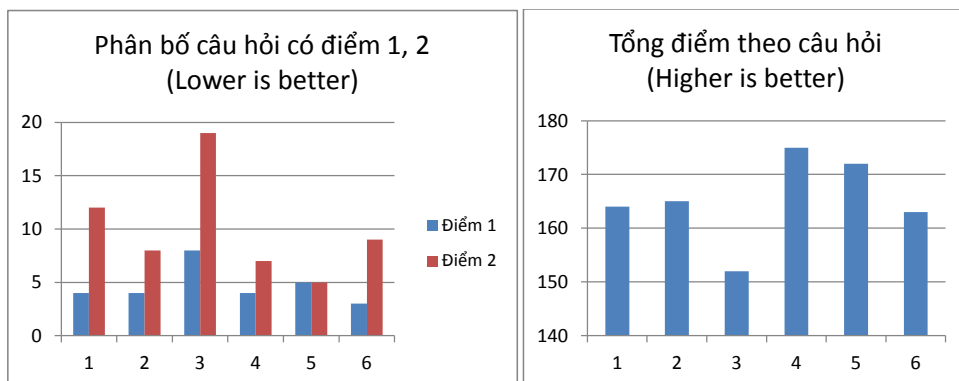


Nhận xét: Câu hỏi 4 có số phiếu cho điểm 1 và 2 nhiều nhất.



Nhận xét: Câu hỏi 4, 6 có số phiếu điểm 1 nhiều nhất; câu hỏi 4, 7 có số phiếu điểm 2 nhiều nhất; Câu hỏi 4 có tổng điểm thấp nhất.

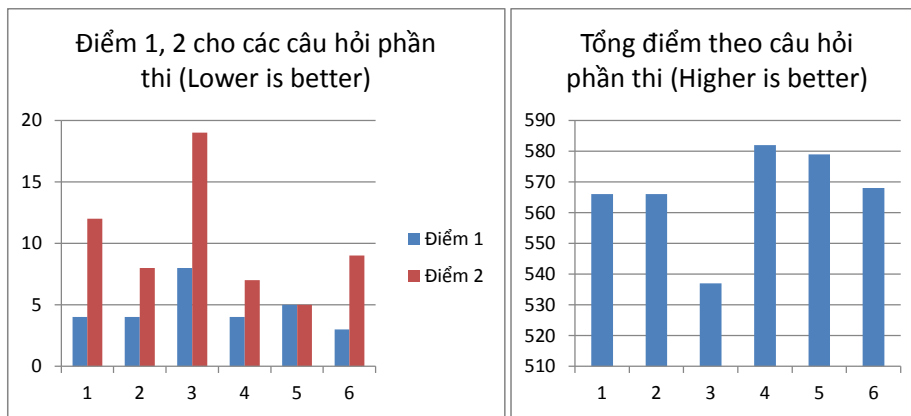
Phân bố cho câu hỏi về thực hành



Nhận xét:

- Câu hỏi 3 phần thực hành (Câu 14 - Bạn thực sự được LÀM trong giờ thực hành (hay chỉ được NHÌN)) có số phiếu cho điểm 1, 2 nhiều nhất;
- Câu hỏi 3 phần thực hành cũng có số điểm thấp nhất.

Phân bố câu hỏi phần thi

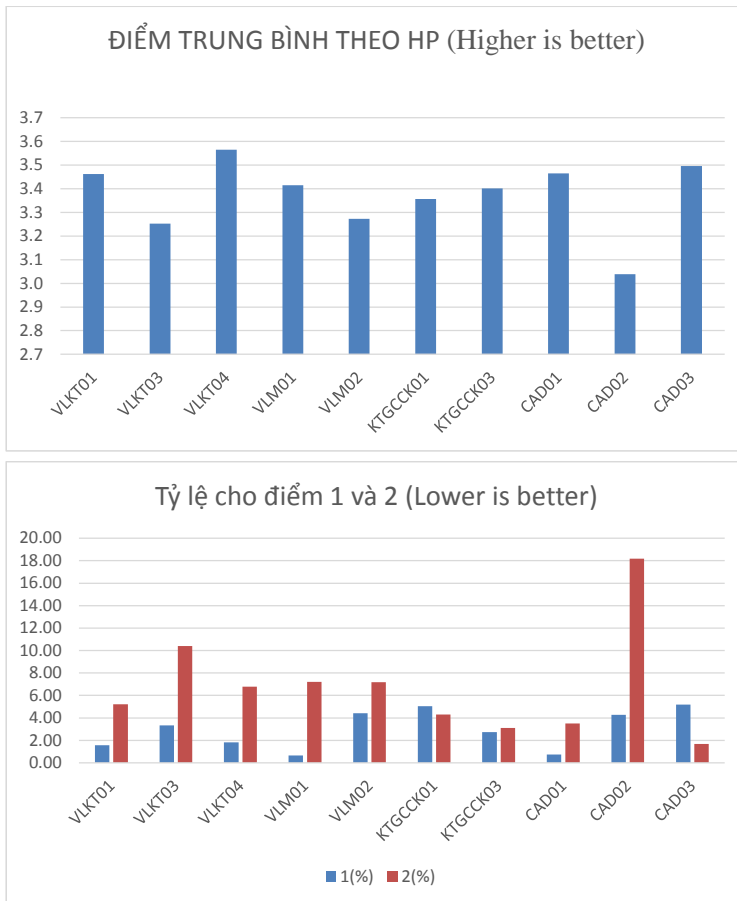


Nhận xét:

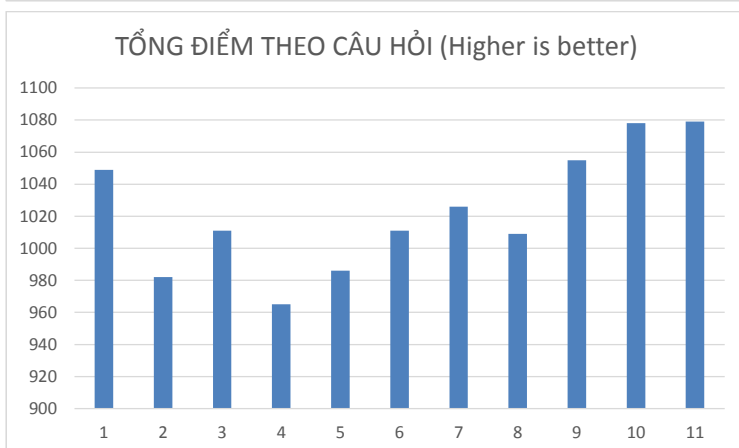
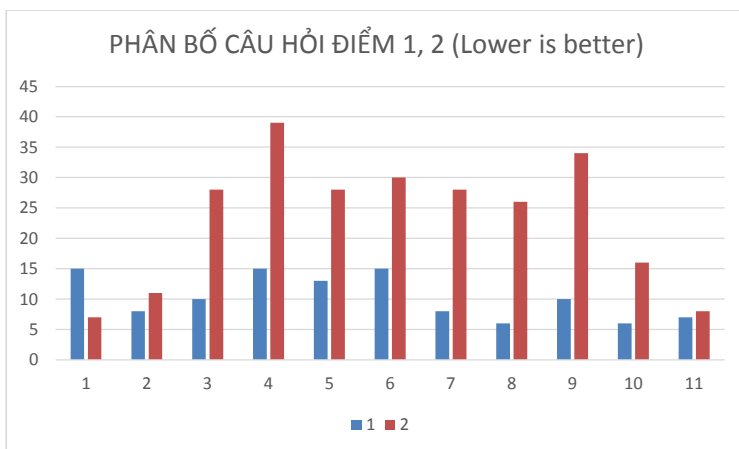
- Câu hỏi 3 (câu 24 - Đề thi cuối kỳ khuyến khích tư duy, suy luận, không cần thuộc lòng) có số phiếu đánh giá điểm 1, 2 nhiều nhất;
- Câu hỏi 3 cũng có tổng điểm thấp nhất.

3.3. Tổng hợp kết quả khảo sát Bộ môn CNVL

Tổng hợp 11 câu hỏi về hoạt động giảng dạy

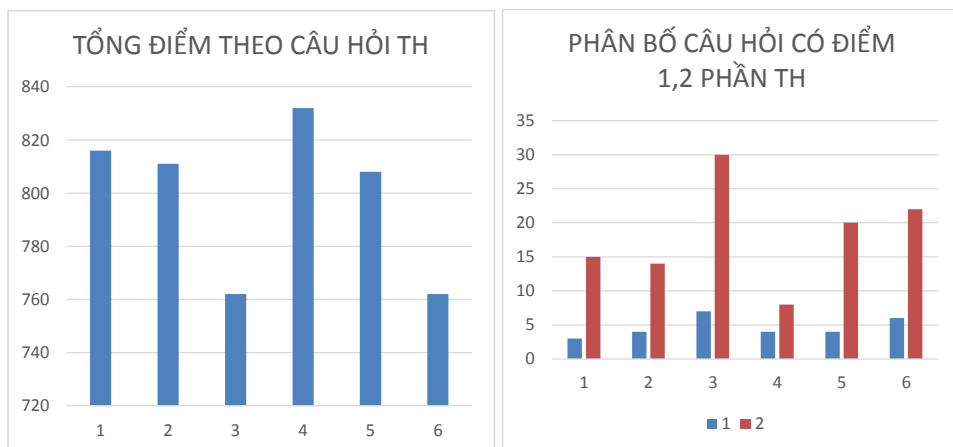


Nhận xét: Học phần CAD02 có điểm đánh giá thấp nhất và cùng có số phiếu đánh giá điểm 1 và 2 nhiều nhất.



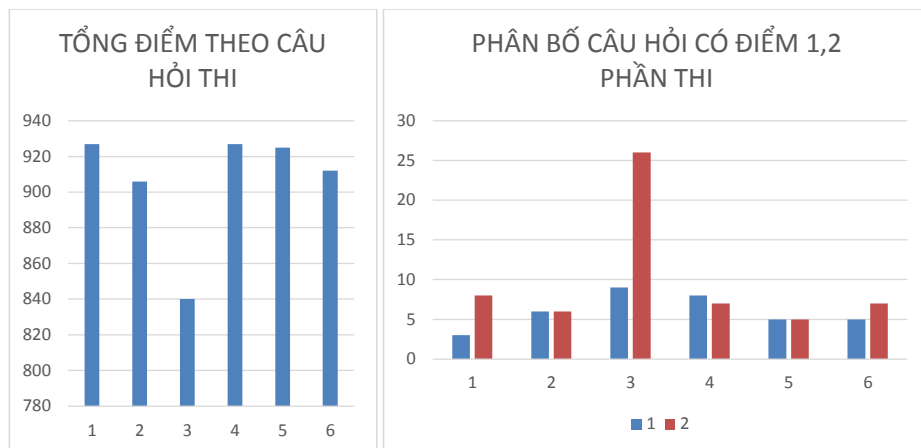
Nhận xét: Câu hỏi 04 có số phiếu cho điểm 1, 2 nhiều nhất, đồng thời có tổng điểm thấp nhất. Kết quả này cũng tương đồng với khảo sát Bộ môn MXD.

Phân bố cho câu hỏi về thực hành



Nhận xét: Câu hỏi 3 có số phiếu cho điểm 1, 2 nhiều nhất và có tổng điểm thấp nhất. Kết quả tương đồng với khảo sát ở Bộ môn MXD.

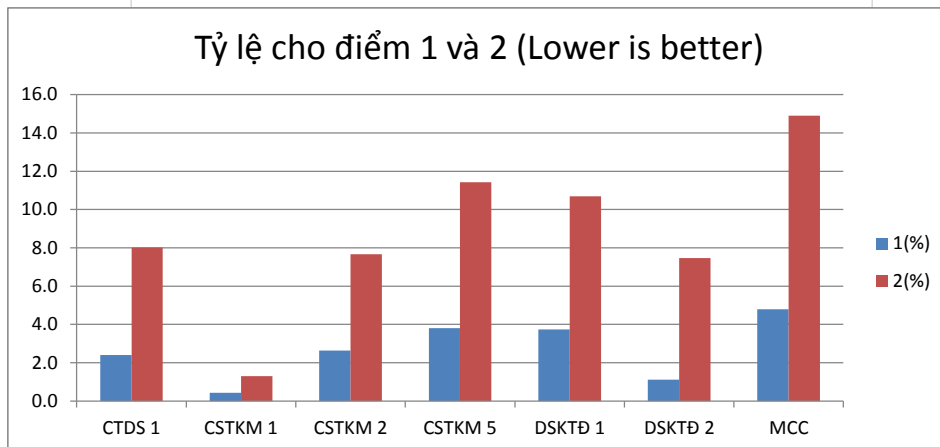
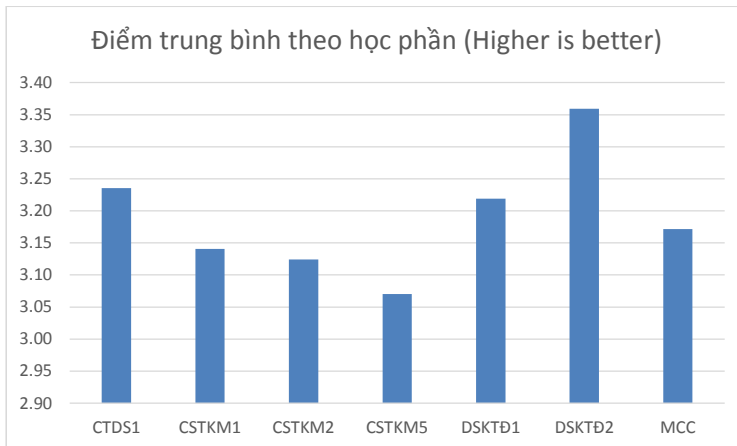
Phân bố câu hỏi phần thi

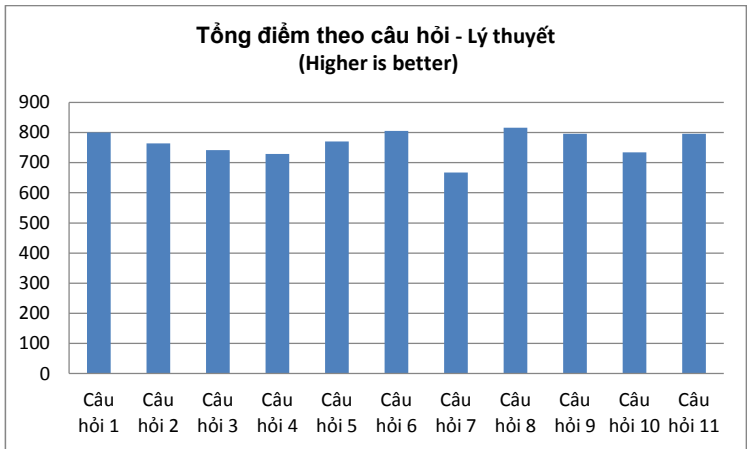
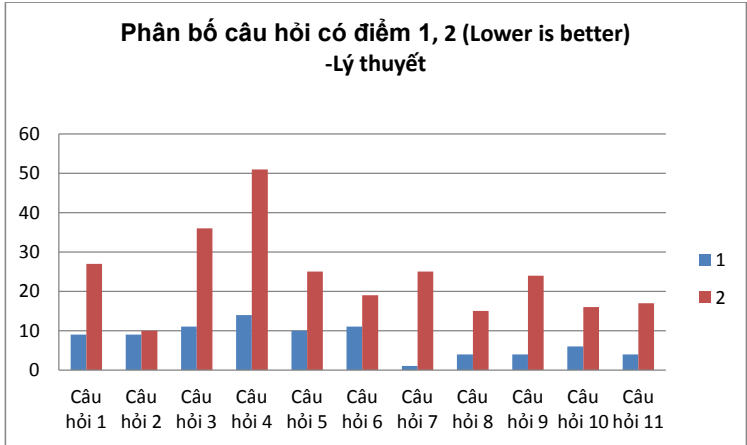


Nhận xét: Tương tự kết quả khảo sát Bộ môn MXD, Câu hỏi 3 có tổng điểm thấp nhất và số phiếu cho điểm 1, 2 nhiều nhất.

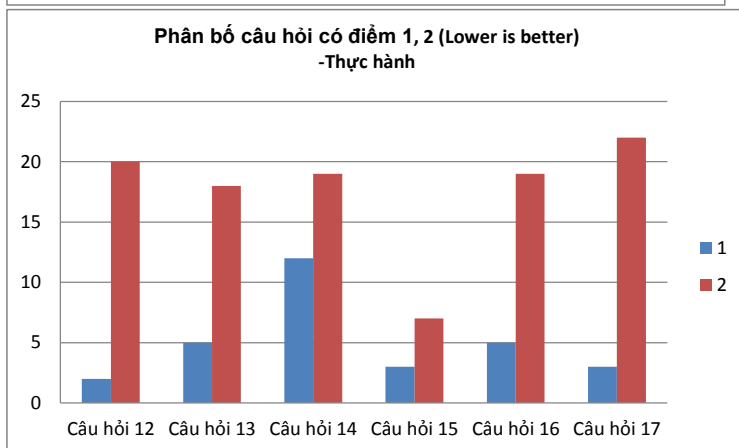
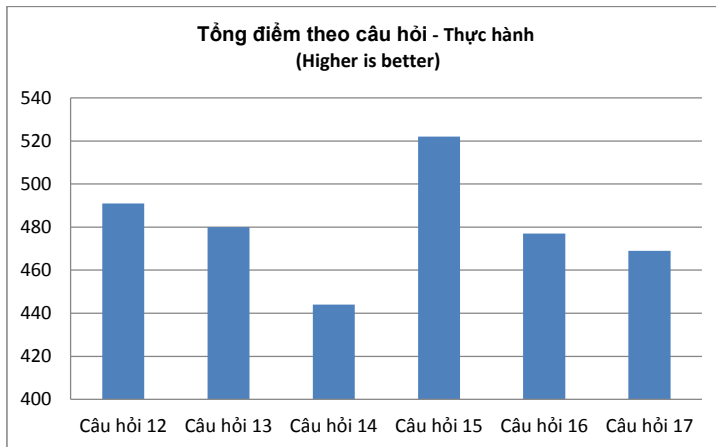
3.4. Tổng hợp kết quả khảo sát Bộ môn KTCK

Tổng hợp 11 câu hỏi về hoạt động giảng dạy

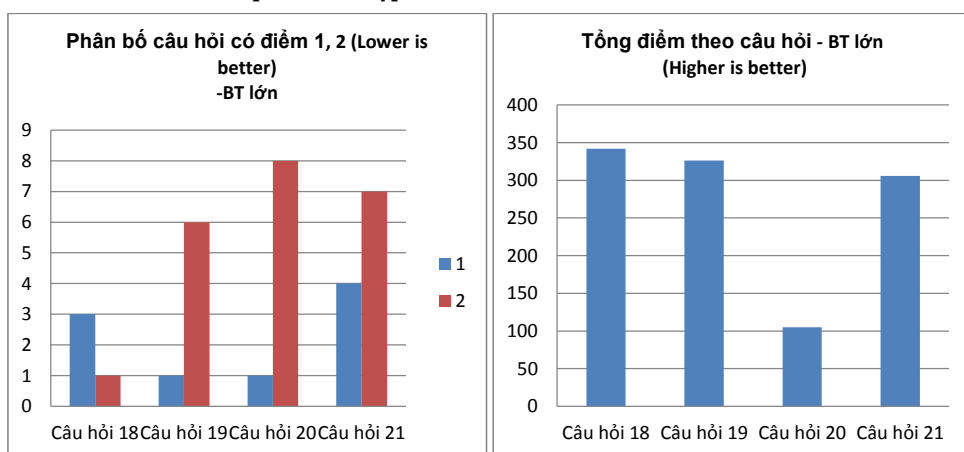




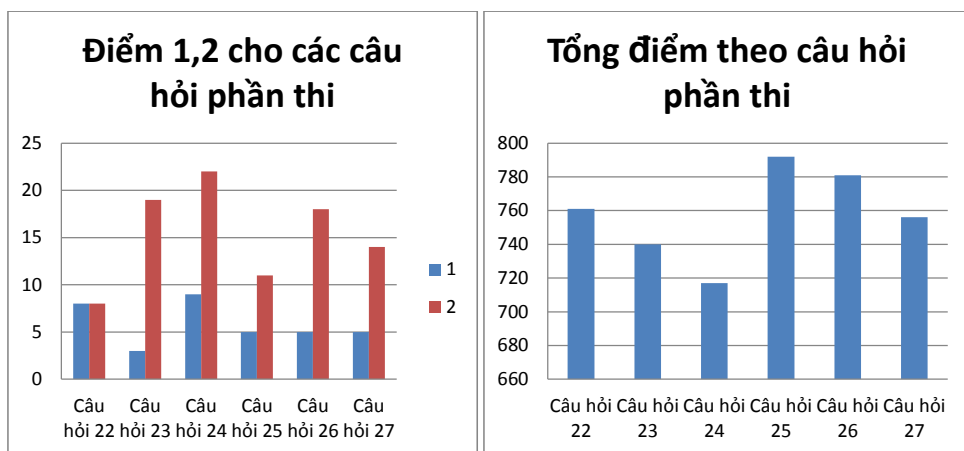
Phân bố cho câu hỏi về thực hành



Phân bố câu hỏi phần Bài tập lớn



Phân bố câu hỏi phần thi



Kết luận Chương 3

Qua kết quả phân tích ý kiến phản hồi của sinh viên, có thể rút ra một số kết luận và bài học kinh nghiệm sau:

- Về chất lượng ý kiến phản hồi còn một số hạn chế. Tỷ lệ sinh viên trả lời thiếu trách nhiệm còn cao (gần 40% số phiếu). Điều này phần nhiều do tâm lý e ngại khi chấm điểm ngược. Cần tích cực tuyên truyền bằng nhiều biện pháp. Trong đó, đặc biệt quan trọng là

thái độ thẳng thắn, cầu thị của từng cán bộ giảng viên trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy. Phần đông sinh viên đã có phản hồi tích cực, cụ thể là số phiếu không nhỏ đánh giá điểm 1, 2;

- Tỷ lệ số phiếu điểm thấp tập trung vào một số nội dung và có kết quả tương đồng khi phân tích ở tất cả các bộ môn (câu hỏi số 4, 14, 24). Điều này cho thấy quan điểm thống nhất trong sinh viên và thực sự đây là những mặt yếu, cần phải được cải thiện;

- Kết quả phân tích cũng cho thấy có sự phân loại về chất lượng giảng dạy của giảng viên. Tuy nhiên, sự khác biệt là chưa thực sự rõ ràng và cần có thêm các thông tin khác hoặc một số khảo sát chi tiết hơn.

Chương 4: Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại Viện Cơ khí

4.1. Những nhiệm vụ cơ bản

Từ các phân tích về những tồn tại, bất cập trong việc thực hiện từng công đoạn trong quy trình đào tạo hiện hành ở các Chương 1, 2 và 3, Viện cơ khí đưa ra một số bài học kinh nghiệm như dưới đây. Đây cũng là những nhiệm vụ chủ yếu cần được cụ thể hóa trong quy trình đào tạo nhằm khắc phục các bất cập dẫn đến chất lượng đào tạo yếu kém.

- Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị: Theo thói quen, cho đến hiện nay các đơn vị, từ cấp khoa/viện, đến các bộ môn và từng cán bộ giảng viên đều tham gia vào quy trình tổ chức đào tạo một cách khá thụ động. Nhiệm vụ cơ bản nhất gần như chỉ là hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch chung của Nhà trường. Từ công tác tuyển sinh, xây dựng kế hoạch đào tạo, cân đối các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đều do Nhà trường thực hiện. Như vậy, chất lượng đào tạo, chất lượng của sản phẩm đầu ra là sinh viên tốt nghiệp không phải là mối quan tâm của khoa/viện, bộ môn, hay mỗi một cán bộ giảng viên.

- Đưa khái niệm **ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG** vào quy trình tổ chức, quản lý đào tạo: Với tư duy không phải chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, khái niệm **Đảm bảo chất lượng** (Quality Assurance) gần như không tồn tại trong nhận thức của hầu hết cán bộ giảng viên, kể cả các cấp lãnh đạo bộ môn, khoa, viện. Trong khi, đối với các nước phát triển, **Đảm bảo chất lượng** là yếu tố then chốt nhằm khẳng định thương hiệu Nhà trường.

- Cần xây dựng quy trình tổ chức, quản lý công tác giảng dạy chặt chẽ, năng động, có trách nhiệm. Trong đó, cần gắn trách nhiệm **ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG** vào mỗi hoạt động của cán bộ giảng viên trong quy trình.

4.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo

Giải pháp về xây dựng quy trình tổ chức, quản lý đào tạo

Nhằm hiện thực hóa những quan điểm trên, cần thiết phải xây dựng một quy trình quản lý đào tạo riêng ở Viện Cơ khí trên cơ sở quy trình đào tạo đang áp dụng ở Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Nói chung quy trình đào tạo mới cần đề cập và giải quyết những vấn đề sau đây.

Về công tác tổ chức giảng dạy tại trường

- Quy trình giảng dạy lý thuyết: Quy trình bao gồm trách nhiệm của bộ môn phụ trách các học phần trong việc thống nhất và cập nhật nội dung giảng dạy, phương pháp tiếp cận, phương pháp đánh giá học phần định hướng kiến thức, kỹ năng cần đạt được đối với từng học phần (bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ). Mỗi học kỳ bộ môn cần tổ chức sinh hoạt chuyên môn để thống nhất các nội dung trên, làm cơ sở để thực hiện. Kết luận chuyên môn cho từng học phần cần phải được lưu làm minh chứng;

- Quy trình giảng dạy thực hành: Quy trình cần quy định trách nhiệm của từng đối tượng tham gia vào công tác giảng dạy thực hành (bộ môn phụ trách học phần, trung tâm TH-TN, kỹ thuật viên và giảng viên phụ trách). Nội dung các bài thực hành cần được cập nhật đảm bảo kỹ năng cho người học và phù hợp với trang thiết bị hiện có, tránh hình thức, làm qua loa cho xong chuyện. Hướng dẫn thực hành, các văn bản quy định, ban hành cần phải được lưu trữ làm minh chứng. Việc đánh giá thực hành phải được thực hiện tại hiện trường, tập trung vào kỹ năng yêu cầu;

- Quy trình tổ chức sinh hoạt chuyên môn ở các bộ môn: Các bộ môn cần nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn. Từ việc thống nhất nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá các học phần, các kỹ năng yêu cầu, đến định hướng phát triển chuyên môn, công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Bộ môn cần duy trì thường xuyên sinh hoạt chuyên môn và lưu trữ minh chứng về hoạt động làm cơ sở cho công tác kiểm tra, đánh giá ngoài;

- Quy trình khảo thí nội bộ: Như đã phân tích, các khoa/viện và cán bộ giảng viên hiện nay hầu như chưa quan tâm đến việc đánh giá chất lượng công tác giảng dạy. Công việc này hầu như được nhận thức là của Nhà trường. Việc đưa quy trình khảo thí nội bộ vào sẽ nâng cao nhận thức của từng cán bộ giảng viên, giúp chỉ ra những khiếm khuyết, bất cập trong công tác giảng dạy và quản lý giảng dạy. Quy trình khảo thí nội bộ bao gồm hai phần chính là đánh giá chất lượng giảng dạy thông qua phân tích, đánh giá kết quả học tập sau mỗi học kỳ, kiểm tra việc thực hiện qua các minh chứng và phân tích dữ liệu khảo sát sinh viên;

- Quy trình theo dõi, cập nhật cơ sở dữ liệu cựu sinh viên, khảo sát ý kiến cựu sinh viên: Cho đến nay, Trường ĐHHH VN nói chung, Viện Cơ khí nói riêng chưa thực hiện công tác cựu sinh viên. Quy trình này sẽ bao gồm xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên, cập nhật cơ sở dữ liệu này ít nhất 6 tháng một lần thông qua khảo sát ý kiến. Việc khảo sát có thể thực hiện linh hoạt qua các hình thức như gọi điện thoại, email, hay thu thập thông tin qua website của Viện.

Về công tác thực tập tại các cơ sở sản xuất

- Quy trình thực tập: Quy trình này đã được xây dựng và thực hiện, nhưng còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết, chủ yếu do công tác tổ chức, quản lý, đánh giá. Quy trình mới sẽ quy định phương thức tổ chức, quản lý và đánh giá. Một số nội dung chính có thể bao gồm: quy

định nhóm thực tập tối đa là 5 SV, quy định kiểm tra định kỳ gắn với trách nhiệm của giảng viên, cán bộ phụ trách, phương thức đánh giá có sự tham gia của cơ sở sản xuất.

- Xây dựng, phát triển quan hệ với doanh nghiệp, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Mục tiêu gắn đào tạo với thực tiễn phải được xây dựng dựa trên liên kết với doanh nghiệp. Nhiệm vụ trước hết là tìm kiếm các doanh nghiệp, tăng cường hiểu biết về nhu cầu, những khó khăn vướng mắc về chuyên môn. Trên cơ sở hiểu biết giúp xây dựng đề cương thực tập cho sinh viên phù hợp với từng cơ sở. Hiểu biết về doanh nghiệp cũng cho phép hợp tác trong công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đây là công việc không mới, nhưng để làm tốt cần đòi hỏi nỗ lực rất lớn từ hệ thống quản lý cho đến từng cán bộ giảng viên.

Giải pháp về chuẩn hóa đội ngũ

- Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực về kiến thức lý thuyết: Nhận thức rõ ràng về vai trò của chất lượng nguồn nhân lực đối với chất lượng đào tạo, Nhà trường đã xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đối với giảng viên. Theo đó, những giảng viên trong độ tuổi cần phải đạt chuẩn về ngoại ngữ và có kiến thức lý thuyết tốt thông qua các trình độ đào tạo sau đại học. Viện Cơ khí cũng đã xây dựng kế hoạch đào tạo đối với giảng viên. Nhiệm vụ quan trọng là thực hiện kế hoạch theo đúng lộ trình.

- Giải pháp chuẩn hóa chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên: Chuyên môn nghiệp vụ là vấn đề luôn đóng vai trò quan trọng đối với chất lượng đào tạo. Ngoài kiến thức lý thuyết, giảng viên cần được huấn luyện, đào tạo thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ. Những hoạt động cụ thể là: thực hiện đúng quy trình đào tạo giảng viên trẻ, đào tạo, bồi dưỡng qua các khóa học nghiệp vụ;

- Giải pháp đào tạo kiến thức thực tế cho giảng viên: Ngoài kiến thức lý thuyết, nghiệp vụ, giảng viên cũng cần rèn luyện kỹ năng thông qua các hoạt động thực tế. Viện Cơ khí cần xây dựng kế hoạch đào tạo thực tế cho giảng viên bằng nhiều hoạt động như: Thực hiện kế hoạch gửi giảng viên đi thực tế theo Quy định số 337/QĐ-ĐHVVN-TCCB, ngày 12/04/2016; tăng cường giảng viên đi hướng dẫn thực tập tại các cơ sở sản xuất, tích cực phối hợp công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua kết quả phân tích định tính cũng như đánh giá định lượng một số tiêu chí trong quá trình thực hiện quy trình đào tạo tại Viện Cơ khí, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là: Công tác đảm bảo chất lượng hiện đang bị bỏ ngỏ ở các đơn vị đào tạo, trong đó có Viện Cơ khí. Các khoa/viện chủ yếu thực hiện một cách thụ động quy trình đào tạo do

Nhà trường yêu cầu. Hệ thống quản lý hiện nay cũng chưa tạo cơ chế tự chủ cho từng đơn vị;

Hai là: Quy trình quản lý đào tạo hiện nay chưa xây dựng được kênh phản hồi nhằm mục đích điều chỉnh. Chất lượng thực hiện từng công đoạn trong quy trình đào tạo chưa được kiểm tra và chưa có bộ phận nào hay cá nhân nào tại các khoa/viện phải chịu trách nhiệm. Các khoa/viện chưa xây dựng quy trình khảo thí nhằm giám sát và đánh giá chất lượng thực hiện các khâu trong quy trình đào tạo;

Ba là: Phần lớn cán bộ giảng viên, kể cả các trưởng khoa/viện đều chưa có kiến thức bài bản về quản lý đào tạo. Việc thực hiện nghiệp vụ quản lý hầu như là do nhận thức cá nhân và kinh nghiệm, tự học hỏi qua những người đi trước.

Bốn là: Hệ thống quản lý chung của Nhà trường còn mang nặng tính bao cấp, chưa phát huy được tính tự chủ của các khoa/viện và của từng bộ môn, cán bộ giảng viên. Cơ chế tính lương, phân chia lợi nhuận còn cào bằng, chưa xét đến hiệu quả công việc.

Nhìn chung, những bất cập trong quản lý chất lượng đào tạo ở Viện Cơ khí cũng là những bất cập trong toàn Trường, nói rộng ra là bất cập trong cả hệ thống giáo dục nước ta.

Đổi mới bao giờ cũng là nhiệm vụ khó khăn. Thách thức lớn nhất chính là cái cũ, cái bảo thủ, cái thói quen trì trệ có sẵn trong mỗi bộ phận, mỗi cá nhân. Sẵn sàng đổi mới với thách thức, trong khuôn khổ trách nhiệm và quyền hạn của mình, Viện Cơ khí quyết tâm xây dựng một hệ thống quản lý đào tạo năng động, nhấn mạnh tính thực tiễn và giá trị thật.

Tài liệu tham khảo

[1] Hồ sơ kết quả đánh giá học phần học kỳ 1 năm học 2015-2016;

[2] Hồ sơ khảo sát sinh viên học kỳ 1 năm học 2015-2016;

[3] Một số văn bản, quy định hiện hành của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và của các cơ quan quản lý nhà nước khác.